

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **11740**/BTC-TCNH

Hà Nội, ngày **25** tháng **9** năm 2020

V/v lấy ý kiến thẩm định đối với  
Nghị định quy định về chào bán,  
giao dịch trái phiếu doanh nghiệp  
riêng lẻ tại thị trường trong nước và  
chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra  
thị trường quốc tế

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Đề hướng dẫn Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020, trên cơ sở đánh giá quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 4/12/2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 09/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, thay thế Nghị định số 163/2018/NĐ-CP và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP. Đồng thời, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 351/QĐ-BTC ngày 17/3/2020 thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định bao gồm đại diện các Bộ, ngành, Văn phòng Chính phủ, Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia.

Sau khi lấy ý kiến các Bộ, ngành và Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, thành viên thị trường và lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính, Bộ Tài chính đã tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định.

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, TCNH (5b).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**\* Huỳnh Quang Hải**



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế (thay thế Nghị định số 163/2018/NĐ-CP và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP)**

Kính gửi: Chính phủ

Trong những năm vừa qua, khung pháp lý về phát hành trái phiếu doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là TPDN) liên tục được đổi mới, hoàn thiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp huy động vốn phát triển sản xuất kinh doanh, đồng thời phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch, an toàn.

Để hướng dẫn Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020, trên cơ sở đánh giá quá trình triển khai thực hiện Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 4/12/2018 của Chính phủ quy định về phát hành TPDN (Nghị định số 163) và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 09/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163 (Nghị định số 81, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế thay thế Nghị định số 163 và Nghị định số 81. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính trình Chính phủ ký ban hành Nghị định, cụ thể như sau:

**I. Sự cần thiết ban hành Nghị định quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế (thay thế Nghị định số 163 và Nghị định số 81)**

**1. Đánh giá triển khai thực hiện khung pháp lý về chào bán TPDN thời gian qua**

**1.1 Về kết quả đạt được:** Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, từ năm 2017 trở lại đây, thị trường trái phiếu doanh nghiệp phát triển nhanh để đáp ứng yêu cầu huy động vốn phát triển sản xuất kinh doanh của mọi loại hình doanh

ng nghiệp, qua đó giảm dần sự phụ thuộc vào kênh tín dụng ngân hàng; định hướng được các khoản đầu tư trung, dài hạn bên cạnh kênh gửi tiền tiết kiệm ngắn hạn theo đúng chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về phát triển cân bằng giữa thị trường vốn và thị trường tín dụng ngân hàng, giữa thị trường trái phiếu Chính phủ và thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN).

Quy mô thị trường TPDN có sự tăng trưởng và phát triển nhanh, đến cuối năm 2017 đạt 6,29%GDP, cuối năm 2018 đạt 9,01%GDP, cuối năm 2019 đạt 10,68% GDP (tương đương 655.000 tỷ đồng, gấp 6 lần năm 2011), đến cuối tháng 6/2020 đạt 12,3% GDP năm 2019 (tương đương trên 740.000 tỷ đồng). Quy mô của thị trường TPDN đã vượt mục tiêu đề ra đến năm 2020 (7%GDP) tại Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 14/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1191) cho thấy phát hành TPDN đã trở thành kênh huy động vốn ngày càng được các doanh nghiệp quan tâm lựa chọn.

Theo đánh giá của các doanh nghiệp, các chuyên gia và thành viên của thị trường trái phiếu, khung pháp lý về TPDN thời gian vừa qua đã góp phần tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc huy động vốn để phát triển sản xuất kinh doanh, tác động tích cực đến sự phát triển của thị trường TPDN, tăng cường tính công khai, minh bạch trong quá trình huy động vốn trái phiếu của doanh nghiệp, bảo vệ quyền và lợi ích của nhà đầu tư. Để đáp ứng nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng có xu hướng chậm lại, từ khi Nghị định số 163 có hiệu lực thi hành đến hết năm 2019 đã có 848 đợt phát hành TPDN với khối lượng phát hành thực tế là 259.377 tỷ đồng. Kỳ hạn phát hành bình quân TPDN năm 2019 đạt 4,1 năm, cho thấy các doanh nghiệp đã lựa chọn phát hành trái phiếu để huy động vốn trung, dài hạn.

## ***1.2. Về hạn chế, tồn tại:***

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong bối cảnh có sự dịch chuyển vốn huy động từ kênh vay vốn ngân hàng sang kênh phát hành trái phiếu, thị trường TPDN tăng trưởng nhanh, có giai đoạn phát triển nóng và bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, cụ thể như sau:

### ***1.2.1. Về nhà đầu tư TPDN riêng lẻ***

- Sự tăng trưởng và phát triển nhanh của thị trường TPDN trong thời gian gần đây cũng kèm theo sự gia tăng nhà đầu tư cá nhân gồm cả nhà đầu tư cá nhân nhỏ, lẽ do Luật Chứng khoán năm 2010 và Luật Doanh nghiệp năm 2014 không hạn chế nhà đầu tư cá nhân đầu tư TPDN phát hành riêng lẻ. Đối với các nhà đầu tư này năng lực tài chính hạn chế, vừa thiếu khả năng phân tích, đánh giá rủi ro vừa tiếp cận không đầy đủ thông tin về mục đích phát hành, tình hình

tài chính, khả năng trả nợ của doanh nghiệp phát hành, dẫn đến rủi ro trong việc đầu tư TPDN. Trường hợp doanh nghiệp phát hành gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, không thực hiện đầy đủ, đúng hạn việc thanh toán lãi, gốc trái phiếu và các cam kết khác cho nhà đầu tư thì phạm vi bị ảnh hưởng lớn, gây bất ổn cho thị trường tài chính và xã hội.

Do đó, để giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp phát hành và nhà đầu tư mua trái phiếu, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo hướng nâng cao tiêu chuẩn, điều kiện phát hành, hạn chế nhà đầu tư cá nhân mua TPDN riêng lẻ trong tháng 7/2020 và áp dụng cho đến 31/12/2020.

- Trên cơ sở đánh giá các hạn chế trong quy định hiện hành, Luật Chứng khoán năm 2019 đã quy định theo hướng (i) TPDN riêng lẻ của công ty đại chúng chỉ được phát hành và giao dịch giữa các nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, bao gồm nhà đầu tư có tổ chức và nhà đầu tư cá nhân được xác định là nhà đầu tư chuyên nghiệp; (ii) TPDN riêng lẻ của công ty không đại chúng thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, quy định về nhà đầu tư mua và giao dịch TPDN riêng lẻ của công ty không đại chúng tương đồng với quy định tại Luật Chứng khoán năm 2019. Theo đó, quy định tại Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020 về phát hành, giao dịch TPDN riêng lẻ là thống nhất. Do vậy, cần phải sửa đổi quy định tại Nghị định số 163 về đối tượng nhà đầu tư mua và giao dịch TPDN riêng lẻ để đồng bộ với quy định mới tại Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp, theo hướng chỉ bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, không cho phép nhà đầu tư cá nhân nhỏ, lẻ được mua và giao dịch TPDN riêng lẻ. Các nhà đầu tư cá nhân có thể lựa chọn TPDN chào bán ra công chúng với điều kiện chào bán và công bố thông tin cao hơn.

### *1 2.2. Về chế độ công bố thông tin, báo cáo*

- Nghị định số 163 góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch trong việc huy động vốn trái phiếu thông qua các quy định mới về chế độ thông tin, báo cáo. Theo quy định tại Nghị định, từ 01/02/2019, doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin đầy đủ cho nhà đầu tư và Sở GDCK Hà Nội để Sở GDCK Hà Nội tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về TPDN cho các nhà đầu tư quan tâm và phục vụ cho công tác quản lý.

- Thực tế triển khai thời gian qua cho thấy một số doanh nghiệp phát hành TPDN công bố thông tin chưa đúng thời hạn, nội dung công bố thông tin chưa chi tiết, đầy đủ; chuyên trang thông tin của Sở GDCK Hà Nội chưa hoàn toàn

phù hợp với tính chất phát hành riêng lẻ; một số thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý giám sát thị trường TPDN còn thiếu như (i) thông tin về tình hình giao dịch trái phiếu sau phát hành (ii) thông tin về việc mua trái phiếu của từng loại hình nhà đầu tư. Bên cạnh đó, chế độ báo cáo cũng cần phải hoàn thiện để tăng cường quản lý giám sát đối với các chủ thể tham gia huy động vốn trên thị trường TPDN đáp ứng được yêu cầu quản lý.

- Xuất phát từ tình hình trên, cần phải tiếp tục hoàn thiện chế độ công bố thông tin, báo cáo để nhà đầu tư, doanh nghiệp phát hành chủ động tham gia huy động vốn trái phiếu; cơ quan quản lý có đầy đủ thông tin từ khâu phát hành đến giao dịch TPDN để có các biện pháp quản lý, điều hành thị trường TPDN một cách phù hợp. Thông qua đó, tiếp tục cải thiện tính công khai, minh bạch trong hoạt động của thị trường TPDN, góp phần phát triển thị trường TPDN an toàn, bền vững, đảm bảo sự quản lý giám sát của Nhà nước.

### *1.2.3. Về cơ chế quản lý giám sát*

- Đối với phát hành TPDN riêng lẻ, cơ chế quản lý giám sát là hậu kiểm, quản lý giám sát thông qua các tổ chức cung cấp dịch vụ (tổ chức tư vấn phát hành, tổ chức lưu ký TPDN); khác với quản lý, giám sát đối với phát hành trái phiếu ra công chúng phải được UBCKNN cấp phép trước khi phát hành.

- Thời gian qua, do phạm vi điều chỉnh của Luật Chứng khoán là chào bán chứng khoán ra công chúng và chào bán chứng khoán của công ty đại chúng, phát hành chứng khoán riêng lẻ thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; trong khi Luật Doanh nghiệp lại không quy định cụ thể về nội dung này nên công tác quản lý, giám sát thời gian vừa qua tập trung vào phát hành TPDN ra công chúng. Công tác quản lý, giám sát đối với phát hành TPDN riêng lẻ còn dàn trải và chưa đồng bộ, chưa xác định rõ đối tượng giám sát chính; chưa quy định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm của các tổ chức tham gia vào thị trường. Bên cạnh đó, quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán chưa bao quát được toàn bộ hành vi vi phạm về phát hành TPDN riêng lẻ như: (i) vi phạm của các tổ chức tư vấn phát hành, đại lý phát hành, bảo lãnh phát hành, lưu ký khi cung cấp dịch vụ về TPDN; (ii) vi phạm về đầu tư, giao dịch TPDN và công bố thông tin về TPDN vừa thiếu vừa chưa đồng bộ.

- Từ tình hình trên, tại dự thảo Nghị định này cần thiết bổ sung, hoàn thiện quy định về cơ chế quản lý, giám sát đối với phát hành TPDN tại dự thảo Nghị định.

## **2. Sự cần thiết ban hành Nghị định**

Như đã báo cáo nêu trên, Luật Chứng khoán năm 2019 (Điều 31) và Luật

Doanh nghiệp năm 2020 (Điều 128, Điều 129 và Điều 130) có hiệu lực thi hành từ 1/1/2021 đã có quy định về việc phát hành TPDN riêng lẻ của công ty đại chúng và công ty không phải đại chúng và giao Chính phủ hướng dẫn cụ thể. Về cơ bản, quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ của công ty đại chúng tại Luật Chứng khoán năm 2019 và công ty không đại chúng tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 là thống nhất đối với mọi loại hình doanh nghiệp là công ty đại chúng và công ty không phải đại chúng.

Như vậy, căn cứ quy định tại Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020 và những tồn tại, hạn chế nêu trên về thị trường TPDN phát hành riêng lẻ, cần thiết phải xây dựng và ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 163 về phát hành và giao dịch TPDN nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch trong việc huy động vốn TPDN, tăng khả năng quản lý giám sát đối với thị trường TPDN, hướng tới mục tiêu phát triển thị trường an toàn, bền vững. Nghị định được ban hành sẽ có hiệu lực đồng bộ với Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020.

## **II. Quá trình, nguyên tắc và nội dung dự thảo Nghị định**

### **1. Quá trình xây dựng Nghị định**

Dự thảo Nghị định được xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

- Căn cứ quy định tại Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020 và tổng kết, đánh giá tình hình thị trường TPDN thời gian vừa qua, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định.

- Đồng thời, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 351/QĐ-BTC ngày 17/3/2020 thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định bao gồm đại diện các Bộ, ngành, Văn phòng Chính phủ, Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia và tổ chức buổi họp thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập ngày 22/5/2020.

- Dự thảo Nghị định đã được gửi lấy ý kiến Ban soạn thảo và tổ biên tập; các Bộ, ngành; các thành viên của thị trường trái phiếu, Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam, Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi công chúng.

- Ngày 10/7/2020 Bộ Tài chính đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến thành viên thị trường, các doanh nghiệp phát hành và tổ chức cung cấp dịch vụ TPDN và các chuyên gia của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á.

- Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị, ngày ... Bộ Tài chính đã có Công văn số ... gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Ngày ..., Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định tại Báo cáo số ../BC-BTP đối với dự thảo Nghị định, trên cơ sở ý kiến thẩm định Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định để trình Chính phủ ban hành.

## **2. Nguyên tắc xây dựng Nghị định**

- Căn cứ quy định tại Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020, Nghị định thay thế Nghị định số 163 được xây dựng theo nguyên tắc: (i) tuân thủ quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp; (ii) khắc phục các tồn tại, hạn chế hiện nay trong quá trình triển khai vừa qua; và (iii) kế thừa các quy định còn phù hợp tại Nghị định 163. Theo đó, dự thảo Nghị định quy định việc chào bán TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế của cả công ty đại chúng và công ty không phải đại chúng.

- Đồng thời, dự thảo Nghị định thống nhất cách thức quản lý giám sát việc phát hành và giao dịch TPDN phát hành riêng lẻ cho phù hợp với các loại hình doanh nghiệp và đối tượng tham gia là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, phân định với cách thức quản lý giám sát đối với TPDN phát hành ra công chúng với tiêu chuẩn, điều kiện, mức độ công bố thông tin cao hơn và đối tượng nhà đầu tư không hạn chế là công chúng đầu tư.

## **3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

**3.1. Về kết cấu:** Dự thảo Nghị định gồm 6 chương 45 điều, bao gồm:

- Chương I - Quy định chung;
- Chương II – Chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước;
- Chương III – Chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế;
- Chương IV – Chuyên trang thông tin về TPDN và chế độ báo cáo;
- Chương V – Quản lý, giám sát và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Chương VI - Điều khoản thi hành.

### **3.2. Các nội dung cơ bản của Nghị định**

#### **3.2.1. Về phạm vi điều chỉnh của Nghị định**

- Để hướng dẫn Luật chứng khoán và Luật Doanh nghiệp, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định quy định về (i) chào bán, giao dịch, cơ chế thông tin, báo cáo, quản lý giám sát đối với trái phiếu phát hành theo hình thức riêng lẻ (bao gồm cả trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm

chứng quyền) tại thị trường trong nước và (ii) chào bán TPDN ra thị trường quốc tế của mọi loại hình doanh nghiệp (công ty đại chúng, công ty không phải đại chúng).

- Các nội dung về đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế của các công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trước đây được quy định tại Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán sẽ được chuyển sang quy định tại Nghị định này để tạo thành 1 văn bản pháp lý thống nhất quy định về chào bán TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và TPDN chào bán ra thị trường quốc tế. Các nội dung này đã được đánh giá tác động thủ tục hành chính tại hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán và lấy ý kiến các Bộ, ngành, lấy ý kiến rộng rãi công chúng. Bộ Tài chính đã tổng hợp các nội dung đánh giá tác động thủ tục hành chính và ý kiến tham gia của các đơn vị tại hồ sơ trình Nghị định này.

### ***3.2.2. Về điều kiện chào bán trái phiếu***

Dự thảo Nghị định đã bám sát theo điều kiện chào bán trái phiếu quy định tại Luật Chứng khoán năm 2019 (Điều 31) và Luật Doanh nghiệp năm 2020 (Điều 128). Theo đó, các điều kiện chào bán mang tính chất biện pháp hạn chế quy định tại Nghị định số 81 như là giải pháp tạm thời để hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư cá nhân (khi Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp chưa có hiệu lực) sẽ được bãi bỏ khi Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/1/2021.

### ***3.2.3. Về nhà đầu tư mua và giao dịch TPDN riêng lẻ***

- Căn cứ quy định tại Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020, dự thảo Nghị định quy định: (i) đối với trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, nhà đầu tư mua và giao dịch trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; (ii) đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền, nhà đầu tư mua và giao dịch trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và dưới 100 nhà đầu tư chiến lược.

- Về tổ chức xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, được thiết kế tương tự Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán (UBCKNN đang trình Bộ để lấy ý kiến thẩm định Bộ Tư pháp), cụ thể: (i) khi chào bán sơ cấp, doanh nghiệp phát hành và tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu có trách nhiệm rà soát, đảm bảo nhà đầu tư đủ điều kiện tham gia mua trái phiếu; (ii) khi giao dịch thứ cấp trái phiếu, tổ chức lưu ký trái phiếu có trách nhiệm rà soát về điều kiện của nhà đầu tư trước khi xác nhận chuyển nhượng.

### ***3.2.4. Về các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến phát hành TPDN***



- *Về tổ chức tư vấn chào bán trái phiếu*: Dự thảo Nghị định quy định hồ sơ phát hành trái phiếu phải được tổ chức tư vấn là công ty chứng khoán rà soát để đảm bảo đáp ứng các điều kiện phát hành theo quy định, trừ trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty chứng khoán (Điểm c Khoản 1 Điều 12).

- *Về tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu và đại lý quản lý tài sản bảo đảm*: Dự thảo Nghị định (điểm c Khoản 1 Điều 12) quy định doanh nghiệp có thể lựa chọn hoặc không lựa chọn việc ký kết hợp đồng với đại diện người sở hữu trái phiếu và đại lý quản lý tài sản bảo đảm.

### **3.2.5. Về đăng ký, lưu ký và giao dịch TPDN riêng lẻ**

- Để quản lý đối tượng mua và giao dịch TPDN riêng lẻ, dự thảo Nghị định quy định TPDN phát hành riêng lẻ phải được đăng ký, lưu ký tại tổ chức lưu ký được phép (bao gồm Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và thành viên lưu ký). Quy định này được kế thừa quy định tại Nghị định số 163 và không phát sinh thủ tục hành chính mới cho doanh nghiệp phát hành. Tổ chức lưu ký có trách nhiệm: (i) rà soát tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và chỉ xác nhận quyền sở hữu trái phiếu khi giao dịch TPDN đáp ứng điều kiện theo quy định; và (ii) cung cấp thông tin về giao dịch trái phiếu cho Sở Giao dịch Chứng khoán để Sở tổng hợp, báo cáo cơ quan quản lý.

- Ngoài ra, để có căn cứ tổ chức thị trường giao dịch thứ cấp đối với TPDN phát hành riêng lẻ, Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức thị trường giao dịch TPDN riêng lẻ tại Sở GDCK dành cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (Khoản 3 Điều 16). Việc tổ chức thị trường giao dịch thứ cấp sẽ tăng cường tính công khai, minh bạch, giúp cơ quan quản lý có đầy đủ thông tin từ khâu phát hành đến giao dịch, đồng thời tăng tính thanh khoản của TPDN, qua tham khảo ý kiến các thành viên thị trường rất ủng hộ việc thiết lập thị trường này.

### **3.2.6. Về chế độ công bố thông tin và báo cáo**

- Dự thảo Nghị định đã hoàn thiện chế độ công bố thông tin và báo cáo tại Nghị định số 163 theo hướng (i) kế thừa các quy định còn phù hợp; (ii) bổ sung, sửa đổi để khắc phục những hạn chế, tồn tại hiện nay. Theo đó, dự thảo Nghị định quy định chi tiết về nội dung công bố thông tin, thời hạn và cách thức công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành và Sở GDCK Hà Nội trên chuyên trang thông tin về TPDN:

+ Chế độ công bố thông tin về TPDN theo 2 bước: (i) doanh nghiệp phát hành và tổ chức lưu ký công bố thông tin và báo cáo cho Sở GDCK về tình hình phát hành, giao dịch TPDN; (ii) Sở GDCK tổng hợp và công bố thông tin trên Chuyên trang thông tin về TPDN và báo cáo cho cơ quan quản lý. Ưu điểm của

cơ chế công bố thông tin này là cả nhà đầu tư và cơ quan quản lý đều có thể tiếp cận thông tin về phát hành và giao dịch TPDN riêng lẻ, nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch trong việc huy động vốn trái phiếu, giúp nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận các thông tin để quyết định đầu tư trái phiếu.

+ Một số quy định về chế độ công bố thông tin và báo cáo tại dự thảo Nghị định đã được bổ sung, sửa đổi để khắc phục những tồn tại, hạn chế như (i) rút ngắn thời gian công bố thông tin trước đợt phát hành từ tối thiểu 10 ngày làm việc xuống tối thiểu 01 ngày làm việc theo kiến nghị của các doanh nghiệp và quy định tại Luật Doanh nghiệp; (ii) giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về thời hạn, nội dung, biểu mẫu công bố thông tin, báo cáo của doanh nghiệp phát hành, tổ chức tư vấn, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu và Sở GDCK; (iii) làm rõ về nội dung và cách thức công bố thông tin của Sở GDCK Hà Nội trên chuyên trang thông tin về TPDN. Về chế độ báo cáo, tại dự thảo Nghị định đã rà soát, hoàn thiện chế độ báo cáo của Sở GDCK và tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành để cơ quan quản lý nhà nước có thông tin quản lý, giám sát.

### ***3.2.7. Về cơ chế quản lý, giám sát***

#### ***a) Nguyên tắc giám sát***

- Việc giám sát phát hành TPDN riêng lẻ thực hiện qua:

+ Cơ chế công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành;

+ Báo cáo của các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến TPDN, bao gồm: (i) tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán (đảm bảo tư vấn doanh nghiệp phát hành đáp ứng điều kiện, hồ sơ, trình tự phát hành và nghĩa vụ công bố thông tin), (ii) các tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ như tổ chức lưu ký, tổ chức đấu thầu, đại lý, bảo lãnh phát hành trái phiếu...; không trực tiếp giám sát đến từng doanh nghiệp phát hành, từng đợt phát hành do đối tượng, số lượng doanh nghiệp là rất lớn, bao gồm tất cả các doanh nghiệp của nền kinh tế; đồng thời đối với phát hành riêng lẻ không có quy định cơ quan quản lý phê duyệt, cấp phép việc chào bán.

+ Doanh nghiệp và nhà đầu tư thực hiện theo nguyên tắc tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về các rủi ro; Nhà nước không bảo đảm việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn và các quyền khác cho nhà đầu tư mua trái phiếu (điểm c Khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định).

+ Trong quá trình giám sát theo các tiêu chí nêu trên, nếu phát hiện sai phạm của doanh nghiệp phát hành, của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán và các tổ

chức trung gian cung cấp dịch vụ sẽ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

- Đối với giám sát nhà đầu tư mua và giao dịch TPDN (bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp), thực hiện thông qua doanh nghiệp phát hành, tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu và công ty chứng khoán mà nhà đầu tư mua trái phiếu mở tài khoản theo quy định của pháp luật chứng khoán.

- Khi tổ chức thị trường giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ dành cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sẽ thực hiện giám sát giao dịch qua hệ thống giao dịch (tương tự như giám sát của các hoạt động giao dịch cổ phiếu, giao dịch TPCP, giao dịch phái sinh).

- Đối với việc giám sát các định chế tài chính (như NHTM, công ty chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm) tham gia đầu tư TPDN, việc giám sát sẽ căn cứ vào pháp luật chuyên ngành trong các lĩnh vực đó.

*b) Các quy định cụ thể quản lý, giám sát*

- Trên cơ sở nguyên tắc giám sát nêu trên, cơ chế quản lý, giám sát thị trường TPDN riêng lẻ như sau:

+ Tổ chức tư vấn hồ sơ phát hành là công ty chứng khoán có trách nhiệm rà soát điều kiện và hồ sơ chào bán trái phiếu. Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu có trách nhiệm rà soát tư cách nhà đầu tư khi thực hiện giao dịch. UBCKNN giám sát việc cung cấp dịch vụ của các tổ chức này.

+ SGDCK có trách nhiệm (i) giám sát việc công bố thông tin, báo cáo của doanh nghiệp phát hành, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành và tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu; (ii) giám sát việc giao dịch TPDN riêng lẻ giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tại SGDCK; và (iii) trường hợp phát hiện dấu hiệu bất thường thì yêu cầu doanh nghiệp giải trình hoặc báo cáo UBCKNN xem xét, xử lý tùy theo mức độ vi phạm. Cơ chế giám sát của SGDCK thực hiện theo Quy chế giám sát được UBCKNN chấp thuận (Điều 39 dự thảo Nghị định).

+ UBCKNN có trách nhiệm (i) giám sát tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu và SGDCK; (ii) xử lý vi phạm theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán; và (iii) trường hợp phát hiện dấu hiệu bất thường thì tổ chức kiểm tra (Điều 40 dự thảo Nghị định).

- Theo đó, UBCKNN là cơ quan quản lý thống nhất thị trường TPDN, bao gồm phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ, và có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực

chứng khoán (bao gồm hành vi và chế tài xử lý đối với các vi phạm của doanh nghiệp phát hành và tổ chức cung cấp dịch vụ về TPDN).

- Ngoài ra, để tăng cường công tác phối hợp, giám sát liên thông, dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của NHNN đối với các tổ chức tín dụng khi chào bán, đầu tư, giao dịch, phân phối trái phiếu và cung cấp các dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp; trách nhiệm của Bộ KHĐT trong việc cung cấp thông tin liên quan đến nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp để phối hợp xử lý các vấn đề liên quan đến phát hành TPDN và vi phạm của doanh nghiệp khi huy động vốn trái phiếu.

#### **IV. Về nguồn lực thi hành Nghị định:**

- Theo quy định hiện hành:

+ Nghị định số 163/2018/NĐ-CP (Điểm b Khoản 2 Điều 14) quy định doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty đại chúng phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền phải đăng ký với UBCKNN và chỉ được phát hành khi có ý kiến bằng văn bản của UBCKNN.

+ Đối với phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, Nghị định số 58/2013/NĐ-CP (Điều 30) quy định doanh nghiệp phát hành phải đăng ký chào bán chứng khoán tại nước ngoài và gửi hồ sơ cho UBCKNN.

- Tại dự thảo Nghị định đã kế thừa, đồng thời sửa đổi, làm rõ quy định nêu trên tại Nghị định số 163/2018/NĐ-CP và Nghị định số 58/2013/NĐ-CP về 2 thủ tục hành chính là (i) đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm theo chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và (ii) chào bán TPDN riêng lẻ ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Hai thủ tục hành chính này không phát sinh mới mà được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ đang quy định tại Nghị định số 58/2013/NĐ-CP và Nghị định 60/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết hành Luật Chứng khoán. Theo đó, các quy định này về cơ bản kế thừa các thủ tục hành chính đang triển khai thực hiện, chỉ phát sinh thêm 2 đối tượng là công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán 2019. Theo đó, về cơ bản không phát sinh thêm nguồn lực thi hành Nghị định so với quy định hiện hành tại các Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán).

**V. Tính tương thích với các điều ước quốc tế:** Quy định tại dự thảo Nghị định không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã cam kết.

#### **VI. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp**

**VII. Kiến nghị:** Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét ban hành Nghị định quy định về chào bán, giao dịch TPDN tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế, thay thế Nghị định số 163/2018/NĐ-CP để hướng dẫn Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp (sửa đổi).

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ TCNH (10b)

**BỘ TRƯỞNG**

**Đinh Tiến Dũng**

## Contents

Chương I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG .....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	1
Điều 3. Áp dụng quy định pháp luật liên quan .....	1
Điều 4. Giải thích thuật ngữ.....	2
Điều 5. Nguyên tắc phát hành và sử dụng vốn trái phiếu .....	3
Điều 6. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu .....	4
Điều 7. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu.....	5
Chương II.....	5
CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC.....	5
Mục 1.....	5
CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU .....	5
Điều 8. Nhà đầu tư mua trái phiếu.....	5
Điều 9. Điều kiện chào bán trái phiếu.....	6
Điều 10. Điều kiện chào bán trái phiếu thành nhiều đợt.....	7
Điều 11. Quy trình chào bán trái phiếu.....	8
Điều 12. Hồ sơ chào bán trái phiếu.....	9
Điều 13. Phương án phát hành trái phiếu và thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành..	11
Điều 14. Phương thức phát hành trái phiếu và các tổ chức cung cấp dịch vụ .....	13
Mục 2.....	14
ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ VÀ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU.....	14
Điều 15. Đăng ký, lưu ký trái phiếu.....	14
Điều 16. Giao dịch trái phiếu.....	14
Mục 3.....	15
THANH TOÁN LÃI, GỐC TRÁI PHIẾU.....	15
Điều 17. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu.....	15
Mục 4.....	15
CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	15
Điều 18. Nguyên tắc công bố thông tin .....	15
Điều 19. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp .....	16
Điều 20. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu.....	16
Điều 21. Công bố thông tin định kỳ.....	17
Điều 22. Công bố thông tin bất thường của doanh nghiệp .....	17
Điều 23. Công bố thông tin của doanh nghiệp về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu.....	18
Chương III.....	19
CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.....	19
Mục 1.....	19
CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU .....	19
Điều 24. Nguyên tắc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế .....	19
Điều 25. Điều kiện chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế.....	19
Điều 26. Quy trình chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế.....	19
Điều 27. Hồ sơ chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế.....	20
Điều 28. Phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.....	20
Mục 2.....	21
CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	21
Điều 29. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu.....	21
Điều 30. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu.....	22

Điều 31. Công bố thông tin định kỳ.....	22
Chương IV.....	23
CHUYÊN TRANG THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU.....	23
DOANH NGHIỆP VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	23
Điều 32. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch chứng khoán 23	
Điều 33. Báo cáo của Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, tổ chức đăng ký, lưu ký và tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp.....	24
Chương V.....	25
QUẢN LÝ, GIÁM SÁT VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC.....	25
CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN.....	25
Điều 34. Nội dung quản lý, giám sát việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ 25	
Điều 35. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu.....	25
Điều 36. Trách nhiệm của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán.....	26
Điều 37. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ đấu thầu, đại lý, bảo lãnh phát hành và tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu.....	26
Điều 38. Trách nhiệm của Sở Giao dịch Chứng khoán.....	26
Điều 39. Trách nhiệm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.....	27
Điều 40. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.....	27
Điều 41. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.....	28
Điều 42. Trách nhiệm của Bộ Tài chính.....	28
Chương VI.....	28
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	28
Điều 43. Hiệu lực thi hành.....	28
Điều 44. Điều khoản chuyển tiếp.....	28
Điều 45. Trách nhiệm thi hành.....	29



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định việc chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

2. Nghị định này không điều chỉnh việc chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng tại thị trường trong nước theo quy định của Luật Chứng khoán.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp.

**Điều 3. Áp dụng quy định pháp luật liên quan**



1. Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng và xổ số ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này, phải thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Đối với doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế, ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, các văn bản hướng dẫn và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp và quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

3. Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài việc tuân thủ theo quy định của Nghị định này, phải tuân thủ quy định về giới hạn huy động vốn, thẩm quyền huy động vốn, mục đích huy động vốn theo quy định của Luật số 60/2014/QH13 ngày 26/11/2014 về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

4. Các hành vi vi phạm về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của các tổ chức, cá nhân có liên quan bị xử phạt theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán, thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 4. Giải thích thuật ngữ**

Ngoài các thuật ngữ quy định tại Luật Chứng khoán, trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Trái phiếu doanh nghiệp” là loại chứng khoán có kỳ hạn từ một năm (01 năm) trở lên do doanh nghiệp phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần nợ của doanh nghiệp phát hành.

2. “Trái phiếu doanh nghiệp xanh” là trái phiếu doanh nghiệp được phát hành để đầu tư cho dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

3. “Trái phiếu chuyển đổi” là loại hình trái phiếu do công ty cổ phần phát hành, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của chính doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu.

4. “Trái phiếu có bảo đảm” là loại hình trái phiếu được bảo đảm thanh

toán toàn bộ hoặc một phần gốc, lãi khi đến hạn bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba; hoặc được bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính, tín dụng có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh thanh toán.

5. “Trái phiếu kèm theo chứng quyền” là loại hình trái phiếu được công ty cổ phần phát hành cùng với việc phát hành chứng quyền, cho phép người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông của doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu.

6. “Tổ chức kiểm toán đủ điều kiện” là tổ chức được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập đối với doanh nghiệp phát hành là công ty không phải công ty đại chúng; là tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Chứng khoán đối với doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

7. “Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu” là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức là thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện dịch vụ đăng ký, lưu ký trái phiếu doanh nghiệp.

8. “Hoán đổi trái phiếu” là việc doanh nghiệp cùng mua, cùng bán hai (02) mã trái phiếu khác nhau của chính doanh nghiệp đó tại cùng một thời điểm để cơ cấu lại danh mục nợ.

9. “Mua lại trái phiếu trước hạn” là việc doanh nghiệp mua lại trái phiếu đã phát hành của chính doanh nghiệp để tất toán trái phiếu trước ngày đáo hạn.

10. “Ngày phát hành trái phiếu” là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp phát hành đối với trái phiếu. Trái phiếu trong một đợt chào bán có cùng ngày phát hành.

11. “Ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu” là ngày doanh nghiệp phát hành hoàn thành việc phân phối trái phiếu và thu tiền mua trái phiếu từ các nhà đầu tư.

### **Điều 5. Nguyên tắc phát hành và sử dụng vốn trái phiếu**

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ.

2. Mục đích phát hành trái phiếu bao gồm: để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư; tăng quy mô vốn hoạt động; hoặc cơ cấu lại các khoản nợ của chính doanh nghiệp. Doanh nghiệp phát hành phải nêu cụ thể mục đích phát hành tại phương án phát hành theo quy định tại Điều 13 Nghị định này và công bố thông tin cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu. Việc sử dụng vốn huy động

từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp phải đảm bảo đúng mục đích theo phương án phát hành và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư.

3. Đối với phát hành trái phiếu xanh, ngoài các quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được hạch toán, quản lý theo dõi riêng và giải ngân cho các dự án bảo vệ môi trường theo phương án phát hành đã được phê duyệt.

### **Điều 6. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu**

1. Kỳ hạn trái phiếu: do doanh nghiệp phát hành quyết định đối với từng đợt chào bán căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp.

2. Khối lượng phát hành: do doanh nghiệp phát hành quyết định đối với từng đợt chào bán căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp.

3. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu

a) Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, đồng tiền phát hành là đồng Việt Nam.

b) Đối với trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, đồng tiền phát hành là ngoại tệ theo quy định tại thị trường phát hành.

c) Đồng tiền sử dụng để thanh toán gốc, lãi trái phiếu cùng loại với đồng tiền phát hành.

4. Mệnh giá trái phiếu

a) Trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, mệnh giá là một trăm nghìn (100.000) đồng Việt Nam hoặc bội số của một trăm nghìn (100.000) đồng Việt Nam.

b) Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, mệnh giá thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành.

5. Hình thức trái phiếu

a) Trái phiếu được chào bán dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.

b) Doanh nghiệp phát hành quyết định cụ thể hình thức trái phiếu đối với mỗi đợt chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.

6. Lãi suất danh nghĩa trái phiếu

a) Lãi suất danh nghĩa trái phiếu có thể xác định theo một trong các phương thức: lãi suất cố định cho cả kỳ hạn trái phiếu; lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi.

b) Trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi, doanh nghiệp phát

hành phải nêu cụ thể cơ sở tham chiếu để xác định lãi suất danh nghĩa tại phương án phát hành và công bố thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu về cơ sở tham chiếu được sử dụng.

c) Doanh nghiệp phát hành quyết định lãi suất danh nghĩa cho từng đợt chào bán phù hợp với tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ. Lãi suất trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành ngoài việc tuân thủ quy định tại Nghị định này phải phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

7. Loại hình trái phiếu do doanh nghiệp phát hành quyết định theo quy định của pháp luật.

8. Phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu do doanh nghiệp phát hành quyết định căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn và thông lệ thị trường phát hành để công bố cho nhà đầu tư trước khi chào bán trái phiếu.

### **Điều 7. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu**

1. Doanh nghiệp phát hành được mua lại trái phiếu trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu theo thỏa thuận với chủ sở hữu trái phiếu để giảm nợ, cơ cấu lại nợ. Riêng đối với mua lại trước hạn trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, khi thực hiện phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu là cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án mua lại trái phiếu trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu.

## **Chương II**

### **CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**

#### **Mục 1**

#### **CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU**

### **Điều 8. Nhà đầu tư mua trái phiếu**

1. Đối tượng mua trái phiếu

a) Đối với trái phiếu không chuyển đổi và trái phiếu không kèm theo chứng quyền: đối tượng mua trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật chứng khoán.

b) Đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền: đối tượng mua trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược, trong đó số lượng nhà đầu tư chiến lược phải đảm bảo dưới 100 nhà đầu tư.

c) Tổ chức có trách nhiệm xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên

nghiệp và tài liệu xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và quy định tại Nghị định này.

## 2. Trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu

a) Tiếp cận đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành.

b) Tuân thủ quy định về đầu tư, nắm giữ và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.

c) Tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch trái phiếu. Nhà nước không đảm bảo việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn và các quyền khác cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

## 3. Quyền lợi của nhà đầu tư mua trái phiếu

a) Được doanh nghiệp phát hành công bố thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định này.

b) Được doanh nghiệp phát hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và bảo đảm việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu.

c) Được dùng trái phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, thừa kế, chiết khấu và sử dụng trái phiếu làm tài sản bảo đảm trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật.

## **Điều 9. Điều kiện chào bán trái phiếu**

1. Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi và trái phiếu không kèm theo chứng quyền (không bao gồm việc chào bán trái phiếu của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải công ty đại chúng), doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

b) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong ba (03) năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có); trừ trường hợp phát hành trái phiếu cho chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn.

c) Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

d) Có phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt và chấp thuận theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

đ) Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Nghị định này.

e) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

2. Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi và trái phiếu không kèm theo chứng quyền của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải công ty đại chúng: doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này.

3. Đối với chào bán trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền:

a) Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần.

b) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

c) Đáp ứng các điều kiện chào bán quy định tại điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ Khoản 1 Điều này.

d) Các đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm theo chứng quyền riêng lẻ phải cách nhau ít nhất sáu (06) tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán gần nhất.

đ) Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Điều kiện chào bán trái phiếu thành nhiều đợt**

1. Doanh nghiệp chào bán trái phiếu thành nhiều đợt phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Các điều kiện chào bán quy định tại Điều 9 Nghị định này;

b) Có nhu cầu huy động vốn thành nhiều đợt phù hợp với mục đích phát hành trái phiếu được phê duyệt theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định này;

c) Có phương án phát hành trái phiếu trong đó dự kiến cụ thể về khối lượng, thời điểm và kế hoạch sử dụng vốn của từng đợt chào bán.

2. Việc chào bán trái phiếu thành nhiều đợt thực hiện tối đa không quá mười hai tháng (12 tháng) kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên.

## **Điều 11. Quy trình chào bán trái phiếu**

1. Đối với chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng; chào bán trái phiếu không chuyên đổi, trái phiếu không kèm theo chứng quyền của công ty đại chúng, quy trình chào bán trái phiếu như sau:

a) Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

b) Doanh nghiệp công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

c) Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo các phương thức quy định tại Điều 14 Nghị định này. Doanh nghiệp phát hành phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

d) Doanh nghiệp đăng ký, lưu ký trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

đ) Doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

e) Doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ kể từ khi hoàn thành đợt phát hành trái phiếu cho đến khi đáo hạn trái phiếu theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

2. Đối với chào bán trái phiếu chuyên đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy trình chào bán trái phiếu như sau:

a) Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

b) Doanh nghiệp gửi một (01) bộ hồ sơ chào bán trái phiếu quy định tại điểm a Khoản này đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét, thông báo cho doanh nghiệp phát hành và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán của doanh nghiệp. Trường hợp từ chối, trong vòng 07 ngày làm việc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

c) Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán, doanh nghiệp công bố thông tin trước đợt chào bán và tổ chức phát hành trái phiếu theo quy định tại điểm b, điểm c Khoản 1 Điều này. Số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Việc mở và sử dụng tài khoản

phong tỏa áp dụng theo quy định đối với chào bán, phát hành chứng khoán và chào mua công khai quy định tại Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, doanh nghiệp báo cáo kết quả chào bán, kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ báo cáo về kết quả chào bán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo cho doanh nghiệp phát hành, đồng thời đăng lên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã tiếp nhận báo cáo kết quả chào bán.

đ) Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã tiếp nhận báo cáo kết quả chào bán, doanh nghiệp phát hành được giải tỏa số tiền thu được từ chào bán. e) Doanh nghiệp phát hành thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều này; thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều này; thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều này.

## **Điều 12. Hồ sơ chào bán trái phiếu**

1. Hồ sơ chào bán trái phiếu của doanh nghiệp phát hành bao gồm:

a) Phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định này;

b) Tài liệu công bố thông tin về đợt chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

c) Hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành với các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến đợt phát hành trái phiếu, bao gồm:

- Hợp đồng tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Nghị định này, trừ trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán;

- Hợp đồng ký kết với tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

- Hợp đồng ký kết với đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định của pháp luật chứng khoán (nếu có) để giám sát việc thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành;

- Hợp đồng ký kết với đại lý quản lý tài sản bảo đảm đối với trái phiếu có bảo đảm (nếu có);

- Hợp đồng với các tổ chức khác liên quan đến đợt phát hành trái phiếu.



d) Báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán;

đ) Kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu và loại trái phiếu phát hành (nếu có);

e) Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

g) Tài liệu chứng minh đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động đối với doanh nghiệp phát hành hoạt động theo pháp luật chuyên ngành;

h) Đối với chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e và điểm g Khoản này hồ sơ chào bán trái phiếu còn bao gồm:

- Giấy đăng ký chào bán theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

- Bản sao Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị phê duyệt hồ sơ chào bán trái phiếu.

- Cam kết của doanh nghiệp phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo theo quy định của Luật Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu và thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền.

- Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền của đợt chào bán.

2. Hồ sơ chào bán trái phiếu thành nhiều đợt ngoài các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này còn bao gồm:

a) Tài liệu về dự án hoặc kế hoạch sử dụng vốn làm nhiều đợt;

b) Cập nhật tình hình chào bán và sử dụng vốn trái phiếu từ các đợt chào bán trước theo phương án phát hành trái phiếu;

c) Cập nhật về tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành trong các trường hợp đợt chào bán sau cách đợt chào bán trước từ 06 tháng trở lên và đợt chào bán sau khác năm tài chính với đợt chào bán trước.

3. Báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành trong hồ sơ chào bán trái phiếu quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán; doanh nghiệp phát

hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc loại trừ.

a) Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm mà chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán năm trước liền kề của năm phát hành, hoặc chưa có báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm trước liền kề của năm phát hành, doanh nghiệp sử dụng báo cáo tài chính bán niên hoặc báo cáo tài chính tháng/báo cáo tài chính quý gần nhất sau báo cáo tài chính bán niên năm tài chính trước liền kề được soát xét hoặc kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Nghị định này. Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu.

b) Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty mẹ, báo cáo tài chính trong hồ sơ chào bán trái phiếu gồm báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm phát hành và báo cáo tài chính được kiểm toán của công ty mẹ năm trước liền kề năm phát hành.

### **Điều 13. Phương án phát hành trái phiếu và thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành**

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu xây dựng phương án phát hành để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 Điều này và làm căn cứ để công bố thông tin. Phương án phát hành trái phiếu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Thông tin về doanh nghiệp phát hành (tên doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp, trụ sở, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật);

b) Mục đích phát hành trái phiếu bao gồm các thông tin cụ thể về chương trình, dự án đầu tư; các hoạt động sản xuất, kinh doanh cần bổ sung vốn; các khoản nợ được cơ cấu (tên khoản nợ, giá trị, kỳ hạn nợ). Đối với tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán phải nêu rõ mục đích phát hành trái phiếu để tăng vốn cấp 2 hoặc để cho vay, đầu tư hoặc sử dụng cho mục đích khác theo quy định của pháp luật.

c) Các tài liệu chứng minh doanh nghiệp đáp ứng từng điều kiện chào bán trái phiếu quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định này;

d) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu dự kiến chào bán; địa điểm tổ chức chào bán; đối với chào bán trái phiếu thành nhiều đợt phải dự kiến số lượng đợt chào bán và dự kiến thời điểm chào bán của từng đợt;

đ) Phương án chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đối với trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ hoặc phương pháp tính giá chuyển đổi, việc đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật, các điều khoản khác);

e) Phương án thực hiện quyền của chứng quyền đối với trường hợp chào bán trái phiếu kèm theo chứng quyền (điều kiện thực hiện quyền, thời hạn, tỷ lệ, giá hoặc phương pháp tính giá, việc đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật, các điều khoản khác);

g) Điều kiện, điều khoản về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu (nếu có);

h) Một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong ba (03) năm liền kề trước năm phát hành (nếu có) và sự thay đổi sau khi phát hành (nếu có), bao gồm:

- Vốn chủ sở hữu;
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu;
- Dư nợ trái phiếu/vốn chủ sở hữu;
- Lỗ/lãi (trường hợp lỗ, nêu cụ thể lỗ trong năm tài chính và lỗ lũy kế);
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu.

i) Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu đã phát hành hoặc các khoản nợ đến hạn trong ba (03) năm liền tiếp trước đợt chào bán trái phiếu (nếu có);

k) Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính hoặc ý kiến soát xét của kiểm toán đối với báo cáo tài chính;

l) Phương thức phát hành trái phiếu;

m) Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu;

n) Kế hoạch bố trí nguồn và phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu;

o) Cam kết công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành;

p) Các cam kết khác đối với nhà đầu tư sở hữu trái phiếu (nếu có);

q) Điều khoản về đăng ký, lưu ký trái phiếu;

r) Điều khoản về giao dịch trái phiếu theo quy định tại Điều 16 Nghị định này;

s) Quyền lợi và trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu;

t) Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành;

u) Trách nhiệm và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ

liên quan đến việc phát hành trái phiếu

v) Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và danh sách nhà đầu tư chiến lược đối với phát hành trái phiếu chuyển đổi và phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền.

2. Thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành trái phiếu:

a) Đối với công ty cổ phần:

- Cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu thực hiện theo Điều lệ của công ty. Trường hợp Điều lệ của công ty không quy định khác, Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất; báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu.

- Riêng đối với chào bán trái phiếu chuyển đổi và chào bán trái phiếu kèm theo chứng quyền, phương án phát hành phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu là Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo Điều lệ của công ty.

c) Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, phải tuân thủ quy định về giới hạn huy động vốn và thẩm quyền quyết định huy động vốn của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật số 60/2014/QH13 ngày 26/11/2014 về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

d) Đối với doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, ngoài thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản này, thẩm quyền chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

**Điều 14. Phương thức phát hành trái phiếu và các tổ chức cung cấp dịch vụ**

1. Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành theo các phương thức sau:

- a) Đấu thầu phát hành trái phiếu;
- b) Bảo lãnh phát hành trái phiếu;
- c) Đại lý phát hành trái phiếu;

2. Doanh nghiệp phát hành quyết định phương thức phát hành và công bố

cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

3. Tổ chức tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu là công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán. Khi cung cấp dịch vụ, tổ chức tư vấn có trách nhiệm rà soát việc đáp ứng đầy đủ quy định về điều kiện chào bán và hồ sơ chào bán trái phiếu quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 12 của Nghị định này, pháp luật chứng khoán và chịu trách nhiệm về việc rà soát của mình.

4. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp gồm công ty chứng khoán, tổ chức tín dụng và các định chế tài chính được phép cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh và đại lý phát hành theo quy định của pháp luật. Khi cung cấp dịch vụ, các tổ chức đấu thầu, bảo lãnh và đại lý phát hành có trách nhiệm rà soát đảm bảo đối tượng mua trái phiếu tuân thủ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

## Mục 2

### ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ VÀ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU

#### Điều 15. Đăng ký, lưu ký trái phiếu

1. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trái phiếu doanh nghiệp phải được đăng ký, lưu ký để quản lý nhà đầu tư mua và giao dịch trái phiếu theo quy định tại Điều 8 và Điều 16 Nghị định này.

a) Đối với công ty đại chúng, trái phiếu được đăng ký, lưu ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

b) Đối với công ty không phải là công ty đại chúng, trái phiếu được đăng ký, lưu ký tại tổ chức đăng ký, lưu ký được phép quy định tại Khoản 7 Điều 4 Nghị định này.

2. Tại một thời điểm, mỗi mã trái phiếu doanh nghiệp chỉ được đăng ký, lưu ký tại một tổ chức đăng ký, lưu ký được phép.

#### Điều 16. Giao dịch trái phiếu

1. Trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ chỉ được giao dịch giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

2. Trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán. Sau thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền chỉ được phép giao dịch giữa các nhà đầu tư theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 8 Nghị định này, trừ trường hợp thực hiện theo bản án,

quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu chỉ thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu khi giao dịch đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều này. Thời gian làm thủ tục chuyển quyền sở hữu trái phiếu do tổ chức lưu ký quy định nhưng không được vượt quá 2 (hai) ngày làm việc.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Điều này.

### **Mục 3**

#### **THANH TOÁN LÃI, GỐC TRÁI PHIẾU**

##### **Điều 17. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu**

1. Doanh nghiệp phát hành bố trí nguồn trả nợ lãi, gốc trái phiếu từ các nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho nhà đầu tư theo phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với trái phiếu được bảo đảm bằng tài sản, khi doanh nghiệp phát hành không trả được nợ lãi, gốc trái phiếu thì tài sản bảo đảm sẽ được xử lý để thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm của trái phiếu theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

3. Đối với trái phiếu được bảo lãnh thanh toán, khi doanh nghiệp phát hành không trả được nợ lãi, gốc thì tổ chức bảo lãnh thanh toán có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho doanh nghiệp phát hành theo cam kết bảo lãnh giữa tổ chức bảo lãnh thanh toán và doanh nghiệp phát hành.

### **Mục 4**

#### **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

##### **Điều 18. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời, thông tin không được gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư theo quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính; đồng thời, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác, trung thực của thông tin công bố.

2. Việc công bố thông tin trước khi phát hành trái phiếu không được chứa đựng nội dung có tính chất quảng cáo, mời chào và không thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trừ trường hợp công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.

3. Doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **Điều 19. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp**

1. Tối thiểu một (01) ngày làm việc trước ngày chào bán trái phiếu, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở Giao dịch Chứng khoán.

a) Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Riêng đối với chào bán trái phiếu xanh, ngoài nội dung công bố thông tin theo quy định tại điểm a Khoản này, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về quy trình hạch toán, quản lý, giải ngân vốn từ chào bán trái phiếu xanh theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

2. Đối với doanh nghiệp chào bán trái phiếu thành nhiều đợt:

a) Đối với đợt chào bán đầu tiên, việc công bố thông tin trước khi chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Đối với các đợt chào bán tiếp theo, ngoài việc công bố thông tin theo quy định tại điểm a Khoản này, tối thiểu một (01) ngày làm việc trước mỗi đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin bổ sung cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu, đồng thời gửi Sở Giao dịch Chứng khoán. Nội dung công bố thông tin bổ sung theo quy định tại điểm b và điểm c Khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

3. Sở Giao dịch Chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.

### **Điều 20. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu**

1. Chậm nhất là mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở Giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại Khoản 1 Điều này để tổng hợp và công

bổ thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.

### **Điều 21. Công bố thông tin định kỳ**

1. Định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin định kỳ cho Sở Giao dịch Chứng khoán.

a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng.

b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm.

2. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và bao gồm các tài liệu sau:

a) Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); báo cáo tài chính chưa kiểm toán được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xác nhận số liệu.

b) Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu.

c) Báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu.

d) Đối với trái phiếu xanh, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b Khoản này, doanh nghiệp phát hành phải lập báo cáo về việc hạch toán, quản lý sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu có ý kiến soát xét của tổ chức kiểm toán; báo cáo tiến độ giải ngân, tiến độ thực hiện dự án và báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Sở Giao dịch Chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin định kỳ của doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện chế độ báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.

### **Điều 22. Công bố thông tin bất thường của doanh nghiệp**

1. Trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây, doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin bất thường cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở Giao dịch Chứng khoán:

a) Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy



định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp;

b) Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố dẫn đến doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện chào bán quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định này hoặc không đảm bảo khả năng trả nợ gốc, lãi trái phiếu;

c) Có sự thay đổi về điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu theo quy định tại Điều 6 Nghị định này đã chào bán và kế hoạch sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này để thực hiện chế độ báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.

**Điều 23. Công bố thông tin của doanh nghiệp về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu**

1. Chậm nhất năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm gửi nội dung công bố thông tin cho Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Đối với mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu:

a) Chậm nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu bao gồm: phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi; điều kiện, điều khoản của việc mua lại, hoán đổi; khối lượng trái phiếu mua lại, hoán đổi theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chậm nhất mười (10) ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm báo cáo cơ quan phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu đồng thời gửi nội dung công bố thông tin cho Sở Giao dịch Chứng khoán.

3. Nội dung công bố thông tin quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Sở Giao dịch Chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này để thực hiện chế độ báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.

### Chương III

## CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

### Mục 1

#### CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

##### **Điều 24. Nguyên tắc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế**

1. Doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế (chào bán riêng lẻ hoặc ra công chúng) phải tuân thủ quy định tại Nghị định này và đáp ứng điều kiện chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.

2. Việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối và quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

##### **Điều 25. Điều kiện chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế**

1. Đối với trái phiếu không chuyển đổi và trái phiếu không kèm theo chứng quyền:

a) Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

b) Phương án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận theo quy định tại Điều 28 Nghị định này;

c) Đáp ứng tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Đối với trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền:

a) Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần đáp ứng các điều kiện phát hành quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định hiện hành của pháp luật;

c) Các đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi phải cách nhau ít nhất sáu (06) tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán gần nhất.

##### **Điều 26. Quy trình chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế**

1. Đối với chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty không phải là công ty đại chúng, quy trình như sau:

a) Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 27 Nghị định này và tổ chức chào bán tại thị trường phát hành.

b) Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 29, Điều 30, Điều 31 Nghị định này và quy định của thị trường phát hành.

2. Đối với chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy trình như sau:

a) Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 27 Nghị định này để gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo ý kiến bằng văn bản cho doanh nghiệp phát hành về việc đã tiếp nhận đầy đủ tài liệu báo cáo.

b) Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã tiếp nhận đầy đủ tài liệu báo cáo, doanh nghiệp công bố thông tin trước khi chào bán theo quy định tại Điều 29 Nghị định này và thực hiện chào bán trái phiếu theo quy định của thị trường phát hành. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

c) Sau khi báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán và công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định này và quy định của thị trường phát hành.

### **Điều 27. Hồ sơ chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế**

Hồ sơ chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế bao gồm:

1. Phương án chào bán trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.
2. Giấy xác nhận tài khoản vốn phát hành chứng khoán bằng ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
3. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận hạn mức phát hành nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia
4. Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán quốc tế trong trường hợp thị trường phát hành yêu cầu.
5. Hồ sơ đăng ký chào bán với cơ quan có thẩm quyền tại thị trường phát hành hoặc ý kiến pháp lý của công ty tư vấn luật quốc tế về việc doanh nghiệp không phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nước sở tại khi phát hành trái phiếu.

### **Điều 28. Phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế**

1. Đối với công ty cổ phần:

a) Cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu thực hiện

theo Điều lệ của công ty. Trường hợp Điều lệ của công ty không quy định khác thì Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu.

b) Riêng đối với phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành trái phiếu thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

2. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu là Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo Điều lệ của công ty.

3. Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, phương án phát hành trái phiếu phải được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận theo quy định của pháp luật về việc huy động vốn nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước.

4. Đối với doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, ngoài thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, thẩm quyền chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

## Mục 2

### CÔNG BỐ THÔNG TIN

#### **Điều 29. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu**

1. Tối thiểu một (01) ngày làm việc trước ngày chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán đến Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán bao gồm:

a) Thông tin về doanh nghiệp phát hành (tên doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp, trụ sở, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật);

b) Mục đích phát hành trái phiếu;

c) Khối lượng trái phiếu dự kiến chào bán;

d) Thời điểm dự kiến chào bán;

đ) Thị trường, địa điểm tổ chức phát hành;

e) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu;

g) Xác nhận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khối lượng trái phiếu phát hành nằm trong hạn mức vay thương mại quốc gia.

3. Sở Giao dịch Chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.

### **Điều 30. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu**

1. Chậm nhất mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp phát hành gửi thông tin về kết quả chào bán đến Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán bao gồm:

a) Thông tin về doanh nghiệp phát hành (tên doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp, trụ sở, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật);

b) Khối lượng trái phiếu chào bán thành công;

c) Lãi suất phát hành (lãi suất danh nghĩa, lợi tức phát hành);

d) Các điều kiện, điều khoản chính của trái phiếu (khối lượng, mệnh giá, đồng tiền, kỳ hạn, phương thức thanh toán gốc, lãi, ngày phát hành, ngày đáo hạn trái phiếu);

đ) Thị trường, địa điểm phát hành.

3. Sở Giao dịch Chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu của doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này để tổng hợp, báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.

### **Điều 31. Công bố thông tin định kỳ**

1. Định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ đến Sở Giao dịch Chứng khoán.

a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng.

b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm.

2. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và bao gồm các tài liệu sau:

a) Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); báo cáo tài chính chưa kiểm toán được Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xác nhận số liệu. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm bao gồm cả báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ.

b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu.

c) Báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, doanh nghiệp phát hành phải nêu cụ thể việc thay đổi mục đích sử dụng vốn và lý do thay đổi.

3. Sở Giao dịch Chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin định kỳ của doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện chế độ báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.

## **Chương IV**

### **CHUYÊN TRANG THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU**

#### **DOANH NGHIỆP VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

**Điều 32. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch chứng khoán**

1. Sở Giao dịch Chứng khoán có trách nhiệm:

a) Tổng hợp thông tin trên cơ sở nội dung thông tin đã tiếp nhận của doanh nghiệp phát hành trái phiếu quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 của Nghị định này để thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 33 Nghị định này và phục vụ cho công tác quản lý, giám sát.

b) Thực hiện công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

c) Xây dựng, ban hành Quy chế vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

2. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp gồm các nội dung sau:

a) Tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại thị trường trong nước, bao gồm: tên doanh nghiệp phát hành, mã trái phiếu (nếu có), ngày phát hành, khối lượng, mệnh giá, ngày đáo hạn;

b) Tình hình phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, bao gồm: tên

doanh nghiệp phát hành, ngày phát hành, khối lượng, ngày đáo hạn, thị trường phát hành.

c) Tình hình chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, việc thực hiện quyền của chứng quyền, việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu (nếu có).

d) Thông tin khác theo thỏa thuận giữa Sở Giao dịch Chứng khoán và doanh nghiệp phát hành để cung cấp cho đối tượng được tiếp nhận thông tin theo Quy chế vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của Sở Giao dịch Chứng khoán.

3. Nhà đầu tư và doanh nghiệp phát hành trái phiếu được truy cập chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp để tìm hiểu thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo Quy chế vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp do Sở Giao dịch Chứng khoán ban hành.

**Điều 33. Báo cáo của Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, tổ chức đăng ký, lưu ký và tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp**

1. Chế độ báo cáo của Sở Giao dịch Chứng khoán

a) Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về tình hình phát hành, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp gồm phát hành tại thị trường trong nước và phát hành ra thị trường quốc tế trên cơ sở tổng hợp nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành trái phiếu và thông tin do tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, tổ chức đăng ký, lưu ký cung cấp.

b) Ngoài chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a Khoản này, Sở Giao dịch Chứng khoán báo cáo đột xuất cho Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

2. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành và tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Sở Giao dịch Chứng khoán theo định kỳ hàng quý, năm về tình hình chào bán trái phiếu, tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu để Sở Giao dịch Chứng khoán tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán và Bộ Tài chính về tình hình tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo của Sở Giao dịch chứng khoán, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, tổ chức đăng ký, lưu ký và tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3

Điều này.

## **Chương V**

### **QUẢN LÝ, GIÁM SÁT VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN**

#### **Điều 34. Nội dung quản lý, giám sát việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ**

1. Đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước:

a) Giám sát việc cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán; cung cấp dịch vụ đấu thầu, đại lý, bảo lãnh phát hành trái phiếu; dịch vụ đăng ký, lưu ký trái phiếu theo quy định tại Nghị định này.

b) Giám sát việc thực hiện công bố thông tin và chế độ báo cáo của doanh nghiệp phát hành, tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán, tổ chức đấu thầu, đại lý, bảo lãnh phát hành, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu, Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại Nghị định này.

c) Giám sát việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

d) Trường hợp phát hiện dấu hiệu bất thường, thực hiện kiểm tra việc chào bán, giao dịch và cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

2. Đối với trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra thị trường quốc tế:

a) Giám sát việc thực hiện công bố thông tin và chế độ báo cáo của doanh nghiệp phát hành và các tổ chức cung cấp dịch vụ theo quy định tại Nghị định này.

b) Giám sát việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.

#### **Điều 35. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu**

1. Tuân thủ quy định của Nghị định này về điều kiện chào bán, phương án phát hành, hồ sơ chào bán, chế độ công bố thông tin và báo cáo.

2. Quản lý, sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu đúng mục đích theo quy định tại Nghị định này và phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và đảm bảo



việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu.

4. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ phát hành trái phiếu, các thông tin đã công bố và báo cáo tài chính; thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật.

5. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu không tuân thủ quy định tại Nghị định này tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

### **Điều 36. Trách nhiệm của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật khi cung cấp dịch vụ và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 14 và Điều 33 Nghị định này.

2. Chịu sự quản lý, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy định của Nghị định này. Trường hợp vi phạm quy định của pháp luật khi cung cấp dịch vụ sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 37. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ đấu thầu, đại lý, bảo lãnh phát hành và tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật khi cung cấp dịch vụ và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

2. Trường hợp vi phạm quy định của pháp luật khi cung cấp dịch vụ sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 38. Trách nhiệm của Sở Giao dịch Chứng khoán**

1. Giám sát việc công bố thông tin và chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Giám sát việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

3. Trường hợp phát hiện có sai phạm trong việc thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán, có văn bản yêu cầu doanh nghiệp phát hành, tổ chức cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành và tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu giải trình, cung cấp bổ sung thông tin hoặc báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xem xét, xử lý tùy theo mức độ vi phạm.

4. Xây dựng Quy chế vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp; Quy chế tiếp nhận, giám sát việc thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo và giám sát giao dịch trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán để ban hành sau khi có ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

5. Tổng hợp thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp để công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

6. Tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

### **Điều 39. Trách nhiệm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

1. Cho ý kiến về việc chào bán trái phiếu chuyên đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm theo chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại thị trường trong nước; cho ý kiến về việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán.

2. Giám sát việc cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán; giám sát Sở Giao dịch Chứng khoán trong việc thực hiện công bố thông tin và chế độ báo cáo về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

3. Trên cơ sở giám sát của Sở Giao dịch Chứng khoán tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 38 Nghị định này, tiếp nhận và xử lý các vi phạm trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước; giám sát hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán

4. Có ý kiến chấp thuận Quy chế vận hành chuyên trang thông tin trái phiếu doanh nghiệp và Quy chế tiếp nhận, giám sát việc thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo và giám sát việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của Nghị định này.

### **Điều 40. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

1. Quản lý, giám sát việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp, đầu tư, giao dịch, phân phối và cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp và việc bảo lãnh, cam kết mua lại trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng theo quy định tại Nghị định này.

2. Thực hiện quản lý nhà nước về ngoại hối và vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh đối với doanh nghiệp phát hành

trái phiếu ra thị trường quốc tế.

**Điều 41. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư**

Phối hợp, cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi Bộ Tài chính có yêu cầu.

**Điều 42. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc công bố thông tin và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ dành cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này để kiến nghị Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi cơ chế chính sách.

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 43. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng ....năm.....

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 4 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 9/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP.

**Điều 44. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các quy định tại Nghị định này áp dụng đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện cho đến khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chính thức hoạt động theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

2. Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 4/12/2018 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 10/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP cho đến khi trái phiếu đáo hạn.

b) Chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ thực hiện theo quy định tại

Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn.

c) Doanh nghiệp không được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu tại phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt.

3. Kể từ khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo quy định tại Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 4/12/2018 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 10/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP có trách nhiệm tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này và quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 35 của Nghị định này.

#### **Điều 45. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp phát hành trái phiếu chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW,
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng,
- Văn phòng Tổng bí thư,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao,
- Toà án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Công báo, Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính,
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc,
- Lưu: Văn thư, KTTH (b)

**TM. CHÍNH PHỦ**

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**

**Phụ lục**

**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI/TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**

*(Kèm theo Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày ...tháng năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế)*

**TÊN CÔNG TY**  
\_\_\_\_\_

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày ... tháng... năm 20...

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI/TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ**

**Trái phiếu: ..... (tên trái phiếu)**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

**I. Giới thiệu về tổ chức đăng ký chào bán trái phiếu**

1. Tên tổ chức đăng ký chào bán (*đầy đủ*): .....
2. Tên giao dịch: .....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
4. Điện thoại:.....Fax: .....
5. Mã trái phiếu (nếu có): .....
6. Vốn điều lệ:.....
7. Nơi mở tài khoản:.....Số hiệu tài khoản:.....
8. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số ... do Sở Kế hoạch và Đầu tư ... cấp lần đầu ngày ..., cấp thay đổi lần ... ngày... (*nêu thông tin thay đổi lần gần nhất*)
  - Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: .....Mã ngành: .....
  - Sản phẩm/dịch vụ chính: .....
  - Tổng mức vốn kinh doanh: .....
9. Tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: .....(*có/không*).

**II. Hình thức phát hành: Chào bán riêng lẻ**

**III. Trái phiếu đăng ký chào bán**

1. Tên trái phiếu:.....
2. Loại trái phiếu:.....
3. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán:.....trái phiếu
4. Mệnh giá trái phiếu: .....đồng

- 5. Giá bán dự kiến:.....đồng/trái phiếu
  - 6. Kỳ hạn trái phiếu: ..... năm
  - 7. Lãi suất: ...../năm.
  - 8. Phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu:.....
  - 9. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: .....
  - 10. Các điều khoản liên quan đến chuyển đổi trái phiếu (trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi):
    - Điều kiện: .....
    - Thời hạn tiến hành chuyển đổi:.....
    - Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá chuyển đổi:.....
    - Các điều khoản khác (nếu có): .....
  - 11. Các điều khoản của chứng quyền kèm theo trái phiếu (trường hợp chào bán trái phiếu kèm theo chứng quyền):
    - Thời gian thực hiện quyền:.....
    - Tỷ lệ thực hiện quyền:.....
    - Giá cổ phiếu phát hành:.....
  - 12. Thời gian chào bán dự kiến: .....
  - 13. Phương thức phân phối (thông qua đấu thầu, bảo lãnh hay đại lý):.....
  - 14. Đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ gần nhất (cổ phiếu/trái phiếu chuyển đổi/trái phiếu kèm chứng quyền/cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền/cổ phiếu để hoán đổi nợ/cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng khác/cổ phiếu để hoán đổi cho số cổ đông, thành viên góp vốn xác định của công ty cổ phần chưa đại chúng, công ty trách nhiệm hữu hạn): .....
- Trong đó, nêu cụ thể:
- Số lượng cổ phiếu/trái phiếu đã phát hành:.....
  - Thời gian hoàn thành đợt chào bán:.....

**IV. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

(Nêu phương án sử dụng, tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và nguồn vốn đối ứng khác (nếu có))

**V. Đối tượng được chào bán**

- a) Tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán:.....
- b) Danh sách dự kiến (đính kèm): .....

STT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đối tượng (nhà đầu tư chiến lược/nhà đầu tư chuyên nghiệp)	Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán (cổ phiếu)	Số lượng trái phiếu dự kiến được phân phối (trái phiếu)
1					
2					
...					

c) Môi quan hệ của đối tượng được chào bán trái phiếu với doanh nghiệp phát hành, với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc điều hành (nếu có).

**VI. Các bên liên quan**

- 1. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý chào bán: .....

2. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán:.....
3. Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu:.....
4. Tổ chức kiểm toán: .....
5. Bên liên quan khác (nếu có): .....

### **VII. Cam kết của tổ chức phát hành**

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những số liệu trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là số liệu giả hoặc thiếu có thể làm cho người mua trái phiếu chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Lựa chọn nhà đầu tư tham gia đợt chào bán trái trái phiếu chuyển đổi phiếu riêng lẻ/trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lựa chọn nhà đầu tư tham gia đợt chào bán.
- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Sử dụng vốn huy động đúng mục đích theo phương án phát hành.
- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

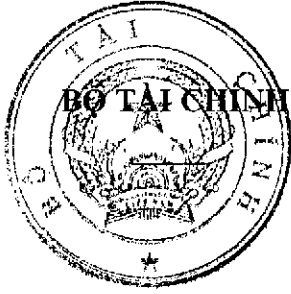
### **VIII. Hồ sơ kèm theo**

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán;
3. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán và danh sách nhà đầu tư dự kiến được chào bán;
4. Quyết định của Hội đồng quản trị phê duyệt hồ sơ chào bán;
5. Tài liệu cung cấp thông tin cho nhà đầu tư (nếu có);
6. Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có);
7. Tài liệu chứng minh đáp ứng tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài;
8. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu;
9. Tài liệu sử dụng vốn (nếu có);
10. Các tài liệu khác (nếu có).

**(TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH)**

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

**BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ  
ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ CHÀO BÁN,  
GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI  
THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU  
DOANH NGHIỆP RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ**

Để hướng dẫn Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020, trên cơ sở đánh giá quá trình triển khai thực hiện Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 4/12/2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp (Nghị định số 163) và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 09/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế thay thế Nghị định số 163. Theo quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, sau khi lấy ý kiến các thành viên của Ban soạn thảo và tổ biên tập; các Bộ, ngành; các thành viên của thị trường trái phiếu, Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam, Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ để ý kiến rộng rãi công chúng, Bộ Tài chính đã tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành và thành viên thị trường, Bộ Tài chính xin báo cáo các nội dung đã tiếp thu, giải trình như sau:

1. Các Bộ, ngành và thành viên thị trường thống nhất với sự cần thiết ban hành Nghị định để hướng dẫn Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020. Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện vào dự thảo Nghị định các nội dung về: việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu; quy trình, hồ sơ phát hành trái phiếu; quy định về đại diện người sở hữu trái phiếu; thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu; chế độ công bố thông tin, báo cáo, trách nhiệm Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và trách nhiệm quản lý, giám sát việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Đối với một số ý kiến tham gia, Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ như sau:



### **2.1. Về phạm vi điều chỉnh của Nghị định**

- Bộ Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đề nghị làm rõ phạm vi điều chỉnh của Nghị đối với phát hành tại thị trường trong nước và phát hành ra thị trường quốc tế. Theo đó, chỉnh lý tên gọi và quy định tại Điều 1 và Điều 2 dự thảo Nghị định.

- Về nội dung này, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và NHNN, dự thảo Nghị định đã làm rõ phạm vi điều chỉnh và chỉnh lý tên gọi của Nghị định, cụ thể:

- Kế thừa quy định tại Nghị định số 163, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định quy định về (i) phát hành, giao dịch, cơ chế thông tin, báo cáo, quản lý giám sát đối với trái phiếu phát hành theo hình thức riêng lẻ của mọi loại hình doanh nghiệp (công ty đại chúng, công ty không phải đại chúng) tại thị trường trong nước và (ii) phát hành ra thị trường quốc tế. Dự thảo Nghị định quy định cụ thể về nguyên tắc, điều kiện, quy trình, hồ sơ phát hành TPDN riêng lẻ, việc đăng ký, lưu ký, giao dịch trái phiếu và cơ chế công bố thông tin, chế độ báo cáo để thuận tiện cho triển khai thực hiện, đảm bảo sự giám sát của cơ quan quản lý đối với phát hành TPDN riêng lẻ.

- Theo đó, dự thảo Nghị định bao gồm các nội dung về đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế của các công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được chuyển từ Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán để đảm bảo quy định thống nhất về phát hành riêng lẻ và phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

- Trong quá trình lấy ý kiến công chúng và các thành viên thị trường, phạm vi điều chỉnh tại dự thảo Nghị định được các thành viên thị trường thống nhất. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến các Bộ, ngành và để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Nghị định, Bộ Tài chính trình Chính phủ chỉnh lý tên gọi của Nghị định là “Nghị định của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế”.

### **2.2. Về điều kiện phát hành trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước**

- NHNN, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đề nghị bổ sung các điều kiện nhằm hạn chế việc phát hành TPDN riêng lẻ và quản lý chặt chẽ hơn đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu (điều kiện doanh nghiệp phải có kết quả hoạt động kinh doanh của năm liền kề trước khi phát hành có lãi, điều kiện phải có xếp hạng tín nhiệm,

điều kiện doanh nghiệp phải hoạt động tối thiểu 3 năm...)

- Về nội dung này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

+ Dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020 nên các điều kiện phát hành phải tuân thủ quy định tại các Luật này, không thể bổ sung thêm điều kiện phát hành so với quy định tại Luật. Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp quy định phân biệt (i) chào bán ra công chúng thì phải đáp ứng điều kiện có lãi và được chào bán, giao dịch ra toàn bộ công chúng; (ii) chào bán riêng lẻ không có điều kiện có lãi thì chỉ được chào bán, giao dịch cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược.

+ Khác với quy định hiện hành tại Luật Chứng khoán năm 2006 và Nghị định số 163, Nghị định số 81, từ ngày 01/1/2021, chỉ nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược được tham gia mua và chuyển nhượng TPDN riêng lẻ (gồm trái phiếu thường và trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền) theo quy định của Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020. Theo đó, nhà đầu tư cá nhân nhỏ, lẻ, không có năng lực phân tích, đánh giá rủi ro sẽ không được mua TPDN riêng lẻ. Như vậy, hạn chế, tồn tại về đối tượng mua TPDN riêng lẻ thời gian vừa qua đã được khắc phục từ cấp Luật. Theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, dự thảo Nghị định không thể quy định bổ sung các điều kiện hạn chế việc phát hành TPDN riêng lẻ để huy động vốn.

+ Tiếp thu ý kiến Bộ Công an, NHNN, Bộ Tư pháp và Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, Bộ Tài chính đã rà soát và bổ sung quy định tại dự thảo Nghị định về việc (i) nêu cụ thể mục đích phát hành tại phương án phát hành trái phiếu, (ii) bổ sung việc doanh nghiệp có thể ký hợp đồng với đại lý quản lý tài sản bảo đảm để giám sát việc đăng ký và xử lý tài sản bảo đảm và rà soát quy định về trách nhiệm sử dụng vốn đúng mục đích tại dự thảo Nghị định nhằm hoàn thiện chế độ công bố thông tin, báo cáo; đồng thời tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đã bổ sung bao quát các hành vi vi phạm về phát hành TPDN riêng lẻ và cung cấp các dịch vụ liên quan đến TPDN.

### ***2.3. Về trái phiếu doanh nghiệp xanh***

- Bộ Tư pháp và Bộ Công an đề nghị bổ sung các quy định về phát hành TPDN xanh như chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với trái phiếu xanh thay vì chỉ quy định về giải thích từ ngữ tại dự thảo Nghị định.

- Về nội dung này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

+ Về TPDN xanh, kế thừa quy định hiện hành, dự thảo Nghị định định nghĩa về TPDN xanh (Khoản 3 Điều 4) và quy định về việc quản lý nguồn vốn từ phát hành TPDN xanh (Khoản 2 Điều 5). Đối với điều kiện, phương án, hồ sơ và quy trình phát hành TPDN xanh áp dụng quy định như đối với TPDN thông thường vì bản chất TPDN xanh cũng là một loại TPDN mà nguồn tiền từ phát hành trái phiếu được sử dụng cho các dự án xanh.

+ Hiện nay, dự thảo Luật Bảo vệ môi trường đang trình Quốc hội xem xét thông qua có quy định việc sử dụng nguồn tiền thu được từ phát hành trái phiếu xanh và ưu đãi của pháp luật về phát hành trái phiếu xanh. Sau khi Luật được thông qua, chính sách và quy định về trái phiếu xanh sẽ tiếp tục được hoàn thiện một cách đồng bộ. Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định như tại dự thảo Nghị định, không quy định bổ sung các chính sách ưu đãi đối với phát hành trái phiếu xanh.

*(Bản tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành trình kèm)*

### **3. Kiến nghị**

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế./.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**Trong nội dung Dự thảo Nghị định quy định về chào bán và giao dịch**  
**trái phiếu doanh nghiệp**

Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ Tài chính báo cáo kết quả đánh giá tác động thủ tục hành chính tại Dự thảo Nghị định quy định về chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị định) như sau:

**I. THỐNG KÊ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Dự thảo Nghị định dự kiến quy định 2 thủ tục hành chính là: (i) thủ tục chào bán trái phiếu chuyên đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm theo chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ; và (ii) thủ tục chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

So với các Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán hiện hành bao gồm Nghị định 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP, Dự thảo Nghị định quy định 01 thủ tục được sửa đổi, bổ sung và 01 thủ tục giữ nguyên.

Về số lượng, quy định thủ tục hành chính tại Dự thảo Nghị định có tăng lên so với Nghị định số 163/2018/NĐ-CP nhưng thực chất không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính mới mà các tổ chức, cá nhân trên thị trường chứng khoán phải tuân thủ, do thủ tục này đang được quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán hiện hành và Nghị định số 163/2018/NĐ-CP.

02 thủ tục hành chính được quy định tại Dự thảo Nghị định về cơ bản là kế thừa các thủ tục hành chính đang triển khai thực hiện, chỉ phát sinh thêm 2 đối tượng là công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán 2019. Do đó, không làm phát sinh thêm nguồn lực thi hành Nghị định so với quy định hiện hành tại các Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán). Việc quy định các thủ tục hành chính nêu trên tại Dự thảo Nghị định là rất cần thiết với mục đích bảo đảm, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi để cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ của mình khi tham gia trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các thủ tục hành chính này đồng thời là biện pháp tối ưu nhằm thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Về cơ bản, 02 thủ tục hành chính dự kiến quy định tại dự thảo Nghị định đã đầy đủ các thành phần cấu thành của thủ tục hành chính bao gồm tên, nội dung thủ tục hành chính, trình tự, thủ tục, cách thức thực hiện, hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí.

Tại Bản đánh giá này, cơ quan chủ trì soạn thảo ngoài việc đánh giá tác động chung và yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính, bao gồm sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp của thủ tục hành chính dự kiến ban hành mà còn đánh giá đầy đủ về thành phần hồ sơ hay trình tự, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính. Cụ thể như sau:

### **1. Thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Khoản 2 Điều 12)**

Căn cứ quy định của Luật Chứng khoán năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán năm 2010, Nghị định số 163/2018/NĐ-CP đã quy định về việc doanh nghiệp là công ty đại chúng phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và chỉ được phát hành khi có ý kiến bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán 2019 quy định cụ thể về điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Từ các quy định trên, để hướng dẫn cụ thể về quy trình, hồ sơ, thời hạn xem xét hồ sơ đăng ký phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Dự thảo

Nghị định đã chỉnh sửa quy định về thủ tục đăng ký đảm bảo tương ứng với điều kiện chào bán quy định trong Luật Chứng khoán 2019. Cụ thể là quy định rõ các nội dung liên quan đến quy trình đăng ký, mẫu đơn đăng ký, thời gian xét duyệt và ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hồ sơ đăng ký chào bán, việc mở tài khoản phong tỏa ... Việc sửa đổi, bổ sung quy định tại dự thảo Nghị định nhằm đảm bảo tính đồng bộ, tương thích của pháp luật về chào bán chứng khoán (giữa các quy định về chào bán cổ phiếu riêng lẻ và trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán) và thống nhất với Luật Chứng khoán 2019.

## **2. Thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Khoản 2 Điều 27)**

Tại Nghị định số 58/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán hiện hành (Điều 30) đã quy định về thủ tục đăng ký chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp, bao gồm chào bán trái phiếu ra thị trường nước ngoài. Theo đó, Dự thảo Nghị định giữ nguyên quy định về thủ tục này như pháp luật chứng khoán hiện hành. Quy định tại Dự thảo Nghị định chỉ chuẩn hóa về quy định áp dụng đối với loại chứng khoán chào bán là trái phiếu để phù hợp với phạm vi của Nghị định đối với các đối tượng công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên cơ sở thống nhất, đảm bảo tuân thủ Luật Chứng khoán 2019 và phù hợp với Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC THI PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT**

Dự thảo Nghị định không quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật đã được phê duyệt.

## **IV. KẾT LUẬN**

Các thủ tục hành chính dự kiến quy định tại Dự thảo Nghị định cơ bản đã được Bộ Tài chính thực hiện đánh giá tác động đầy đủ theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BTC và Thông tư 02/2017/TT-BTC trên cơ sở điền các Biểu mẫu đánh giá tác động thủ tục hành chính, Biểu mẫu tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (*kèm theo*) để xem xét, đánh giá các tiêu chí sau:

### **1. Sự cần thiết của thủ tục hành chính**

Các quy định thủ tục hành chính trong Dự thảo Nghị định đã đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, đồng thời bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và là biện

pháp tối ưu trong các biện pháp có thể được thực hiện để bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước.

## **2. Tính hợp lý của thủ tục hành chính**

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, cụ thể; bảo đảm sự công bằng giữa các cá nhân, giữa các tổ chức, giữa cá nhân với tổ chức, giữa các ngành, lĩnh vực, giữa các vùng miền, giữa trong nước với ngoài nước và có số lượng đối tượng tuân thủ được hưởng lợi nhiều nhất.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính được quy định phù hợp với thẩm quyền quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; thuận tiện cho cá nhân, tổ chức tuân thủ thủ tục hành chính trong việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, cụ thể, cần thiết đối với yêu cầu quản lý nhà nước, phù hợp với khả năng đáp ứng của cá nhân, tổ chức; bảo đảm sự công bằng giữa các cá nhân, giữa các tổ chức, giữa cá nhân với tổ chức, giữa các ngành, lĩnh vực, giữa các vùng miền, giữa trong nước với ngoài nước; phân định rõ trách nhiệm chứng minh yêu cầu, điều kiện; không quy định yêu cầu, điều kiện trùng với yêu cầu, điều kiện của một thủ tục hành chính khác có kết quả là thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính dự kiến quy định.

- Đối với trường hợp Dự thảo Nghị định có quy định rõ về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết và hồ sơ của thủ tục hành chính: Trình tự thực hiện được quy định đảm bảo cụ thể các bước thực hiện, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, cụ thể. Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính có sự rút ngắn hơn so với các Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán hiện hành. Hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính được quy định cụ thể về tên từng thành phần hồ sơ; đảm bảo chứng minh điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.

- Dự thảo Nghị định không quy định thêm về phí, lệ phí so với quy định riêng hiện hành hướng dẫn Luật Phí, lệ phí của Bộ Tài chính.

## **3. Tính hợp pháp của thủ tục hành chính**

Thủ tục hành chính dự kiến ban hành theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung. Nội dung của các quy định về thủ tục hành chính có sự thống nhất trong cùng một văn bản; không trái với các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao hơn, Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### **4. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính**

Bộ Tài chính đã tiến hành tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BTC và Thông tư 02/2017/TT-BTC đối với các thủ tục hành chính được Dự thảo Nghị định quy định đầy đủ các bộ phận cấu thành theo khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung. Chi phí tài chính được tính theo mức trung bình hiện nay (chi phí cho 01 giờ làm việc là 24.000 đồng<sup>1</sup>, chi phí phô tô, in ấn được tính ở mức cơ bản). Đối với những thủ tục hành chính có thể tạm tính được, Bộ Tài chính đã tính toán đầy đủ chi phí cần thiết theo quy định./.

**BỘ TÀI CHÍNH**

---

<sup>1</sup> Theo Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2019 của Tổng cục Thống kê, <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=19453>



**PHỤ LỤC**

**BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUẦN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU 03/SCM-KSTT)**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CHI PHÍ TUẦN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:** Đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

**I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC DỰ KIẾN KHI BAN HÀNH**

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, chi lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	<b>Chuẩn bị hồ sơ</b>										
1.1	Giấy đăng ký chào bán	Soạn thảo văn bản	1	24,000	0	0	1	100	24,000	2,400,000	
1.2	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền; phương án dự kiến sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành để thực hiện quyền của chứng quyền	Tổ chức ĐHĐCĐ	3	24,000	0	0	1	100	72,000	7,200,000	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số đối tương tuan thứ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.3	Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua đối tượng nhà đầu tư chúng tôi chuyên nghiệp được chào bán trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền	Tổ chức họp HĐQT	N/A	24,000	N/A	0	1	100	N/A	N/A	
1.4	Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán. Đối với việc chào bán của tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền	Tổ chức họp HĐQT	N/A	24,000	N/A	0	1	100	N/A	N/A	
1.5	Tài liệu chứng minh đáp ứng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật	Thuê CTCK hoặc tự soạn thảo	N/A	24,000	N/A	0	1	100	N/A	N/A	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, chi lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.6	Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp khi phát hành cổ phiếu riêng lẻ, phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu và thực hiện quyền của chứng quyền	Soạn thảo văn bản	1	24,000	0	0	1	100	24,000	2,400,000	
1.7	Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng khoán của đợt chào bán	Làm việc với ngân hàng	1	24,000	0	0	1	100	24,000	2,400,000	
1.8	Tài liệu cung cấp thông tin về đợt chào bán cho nhà đầu tư (nếu có)	Thuế CTCK hoặc tự soạn thảo	N/A	24,000	N/A	0	1	100	N/A	N/A	
1.9	Tài liệu sử dụng vốn (nếu có).	Thuế CTCK hoặc tự soạn thảo	N/A	24,000	N/A	0	1	100	N/A	N/A	
2	<b>Nộp hồ sơ</b>	Trực tiếp	1	24,000			1	50	24,000	1,200,000	
		Bưu điện	1	24,000		N/A	1	50	24,000	1,200,000	
		Internet						0			
3	<b>Nộp phí, lệ phí, chi phí khác</b>										
3.1	Phí		0		0	0	0	0	0	0	
3.2	Lệ phí		0	24,000	0	0	0	0	0	0	
3.3	Chi phí khác		0		0	0	0	0	0	0	3

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tương tuần thứ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp Bưu điện Internet Khác	1 1	24,000 24,000		N/A	1 1	50 50 0	24,000 24,000	1,200,000 1,200,000	
<b>TỔNG</b>										<b>16.800.000 +N/A</b>	

**BỘ TÀI CHÍNH****CHI PHÍ TUẦN THỦ THỰC HÀNH CHÍNH**

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

**I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC DỰ KIẾN KHI BAN HÀNH**

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	<b>Chuẩn bị hồ sơ</b>										
1.1	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu tại nước ngoài	Tổ chức ĐHĐCĐ	3	24,000	0	0	1	2	72,000	144,000	
1.2	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu tại nước ngoài	Tổ chức ĐHĐCĐ	3	24,000	0	0	1	2	72,000	144,000	
1.3	Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa chứng nhận tiền mua chứng khoán của đợt chào bán	Làm việc với ngân hàng	1	24,000	0	0	1	2	24,000	48,000	

1.4	Vấn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia đối với phát hành trái phiếu	Đăng ký hạn mức vay nước ngoài	N/A	24,000	0	0	1	2	N/A	N/A	Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về vay thương mại nước ngoài của doanh nghiệp
1.5	Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán quốc tế trong trường hợp thị trường phát hành yêu cầu	Thuế tổ chức kiểm toán quốc tế hoặc tư soạn thảo	N/A	24,000	N/A	0	1	2	N/A	N/A	
1.6	Vấn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng khoán của đợt chào bán	Làm việc với ngân hàng	1	24,000	0	0	1	2	24,000	48,000	
1.7	Tài liệu khác theo quy định của thị trường phát hành	Thuế CTCK, tư vấn luật quốc tế hoặc tư soạn thảo	N/A	24,000	N/A	0	1	2	N/A	N/A	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1	24,000			1	2	24,000	1,200,000	
		Bưu điện	1	24,000		N/A	1	2	24,000	1,200,000	
		Internet						0			
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí		0		0	0	0	0	0	0	
3.2	Lệ phí		0	24,000	0	0	0	0	0	0	
3.3	Chi phí khác		0		0	0	0	0	0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	24,000			1	2	24,000	48,000	
		Bưu điện	1	24,000		N/A	1	2	24,000	48,000	



**TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC BỘ, NGÀNH**

<b>Ý kiến chung</b>	<b>Ý kiến của các đơn vị</b>	<b>Ý kiến giải trình</b>
<p><b>Ý kiến chung</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ xây dựng dự thảo ND chưa bao gồm báo cáo đánh giá tác động của chính sách; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành ND sau khi được CP thông qua. Bên cạnh đó, đề nghị đánh giá những khó khăn, vướng mắc khi triển khai, thực hiện ND163 (NHNN)</li> <li>- Về khái niệm trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, đề nghị rà soát, bổ sung quy định của pháp luật doanh nghiệp (NHNN)</li> <li>- Hiện nay, Luật DN sửa đổi chưa được Quốc hội thông qua, do đó đề nghị căn cứ tiến độ xây dựng Luật (NHNN, Bộ Tư pháp, Bộ KHĐT)</li> <li>- Cần nhắc bổ sung quy định nhằm hạn chế hoặc có những quy định điều kiện phát hành và quản lý chặt chẽ hơn đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu để góp vốn, mua cổ phần, đầu tư, đặc biệt là để đầu tư các dự án đầu tư, kinh doanh, xây dựng bất động sản (NHNN)</li> <li>- Về mục đích phát hành, đề nghị rà soát mục đích phát hành trái phiếu để cơ cấu lại các khoản nợ của chính doanh nghiệp (NHNN)</li> <li>- Đề nghị quy định giới hạn khối lượng TPDN nhằm hạn chế việc các doanh nghiệp phát hành TPDN vượt quá khả năng tài chính của</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại dự thảo Tờ trình CP đã bao gồm đánh giá hạn chế, tồn tại của việc triển khai thực hiện ND163. Ngoài ra, hồ sơ kèm theo còn bao gồm dự thảo Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình triển khai, thực hiện ND163.</li> <li>- Đã rà soát, hoàn thiện tại dự thảo ND.</li> <li>- Luật DN năm 2020 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020. Bộ Tài chính đã rà soát để đảm bảo quy định tại dự thảo ND phù hợp với quy định tại Luật DN.</li> <li>- Điểm b Khoản 1 Điều 13 dự thảo ND đã yêu cầu tại phương án phát hành phải nêu cụ thể mục đích phát hành trái phiếu. Theo quy định tại Luật CK và Luật DN, chỉ nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và nhà đầu tư chiến lược tham gia mua TPDN phát hành riêng lẻ. Do đó, dự thảo ND quy định theo hướng chuẩn hóa việc công bố, công khai thông tin chứ không gia tăng điều kiện phát hành.</li> <li>- Phát hành TPDN cho mục đích cơ cấu lại các khoản nợ là nhu cầu chính đáng của doanh nghiệp và đã được triển khai thực hiện từ năm 2011 theo quy định tại ND90. Tại ND81 sửa đổi ND163, Chính phủ vẫn tiếp tục cho phép doanh nghiệp phát hành cho mục đích này. Do đó, đề nghị giữ như tại dự thảo ND.</li> <li>- Về việc bổ quy định giới hạn phát hành TPDN và không gia tăng các điều kiện phát hành so với quy</li> </ul>



doanh nghiệp dẫn đến không thanh toán được nghĩa vụ nợ liên quan đến trái phiếu. Nội dung này đặc biệt quan trọng trong trường hợp doanh nghiệp phát hành TPDN trên thị trường quốc tế, đảm bảo an ninh tài chính tiền tệ quốc gia, các chỉ tiêu nợ nước ngoài và mức độ tín nhiệm của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, doanh nghiệp phát hành trái phiếu là hình thức huy động vốn từ các nhà đầu tư với điều kiện lỏng hơn và lãi suất cao hơn vay ngân hàng nên rủi ro cho cả nhà đầu tư nên cần phải không chế khối lượng phát hành. **(NHNN, UBGSTCQG, UBQLVNN)**

- Đề nghị cân nhắc việc quy định các doanh nghiệp kinh doanh có lãi mới được phát hành TPDN **(NHNN)**

- Đề nghị cân nhắc yêu cầu bắt buộc xếp hạng tín nhiệm các doanh nghiệp phát hành và loại trái phiếu phát hành; bổ sung quy định về kiểm soát tài sản bảo đảm của TPDN **(UBQLVNN)**

- Về tên gọi của dự thảo ND: đề nghị điều chỉnh là “Nghị định quy định về phát hành và giao dịch trái phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp” cho thống nhất, phù hợp với nhiệm vụ được giao tại Luật CK và Luật DN **(Bộ Tư pháp)**

- Về phạm vi điều chỉnh, đề nghị chỉnh lý Điều 1 và Điều 2 theo hướng xác định rõ phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo ND này là quy định về chào bán và giao dịch trái phiếu riêng lẻ của tổ chức phát hành là công ty cổ phần, công ty TNHH không phải là công ty đại chúng để phù hợp với quy định của Luật DN và Điều 30 Luật CK và phân biệt với việc chào bán chứng khoán riêng lẻ của tổ chức phát hành khác là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định tại Điều 31 Luật CK **(Bộ Công an)**

định tại Luật CK và Luật DN, Bộ Tài chính đã có giải trình tại báo cáo kèm theo.

- Phạm vi điều chỉnh của ND bao gồm việc phát hành TPDN riêng lẻ của tất cả các loại hình doanh nghiệp, bao gồm công ty đại chúng, công ty không đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định tại Luật DN và Luật CK. Đối với các quy định đặc thù của pháp luật chứng khoán đối với công ty đại chúng, công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, dự thảo ND đã dẫn chiếu sang pháp luật chứng khoán. Phạm vi điều chỉnh này được kế thừa từ ND90, ND163 và ND81. Trong quá trình triển

	<p>- Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về cơ chế kiểm soát quá trình sử dụng nguồn vốn trái phiếu của doanh nghiệp bảo đảm đúng mục đích phát hành (<b>Bộ Công an</b>)</p> <p>- Về khái niệm nhà đầu tư chiến lược, đề nghị bổ sung khái niệm này của công ty TNHH để tránh vướng mắc khi áp dụng (<b>VCCI</b>)</p>	<p>khai, thực hiện không phát sinh vướng mắc.</p> <p>- TPDN do doanh nghiệp phát hành tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm. Do đó, cơ quan quản lý nhà nước không kiểm soát quá trình sử dụng nguồn vốn trái phiếu của doanh nghiệp. Việc sử dụng vốn của doanh nghiệp chỉ được hậu kiểm khi có thanh, kiểm tra để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.</p> <p>- Nhà đầu tư chiến lược chỉ tham gia mua TPDN chuyên đổi, kèm theo chứng quyền. Chỉ công ty cổ phần mới phát hành loại trái phiếu này. Do đó, không cần thiết bổ sung quy định về khái niệm nhà đầu tư chiến lược đối với công ty TNHH.</p>
<b>Điều 1</b>	<p>- Về phạm vi điều chỉnh, đề nghị làm rõ đối với phát hành TPDN ra thị trường quốc tế, ND hướng dẫn tất cả các phương thức phát hành hay chỉ phương thức phát hành riêng lẻ (<b>NHNN</b>)</p>	<p>- Kế thừa quy định tại ND90, ND163 và ND81, dự thảo ND quy định về tất cả các phương thức phát hành TPDN ra thị trường quốc tế. Việc quy định đợt phát hành của doanh nghiệp ra thị trường quốc tế là riêng lẻ hay phát hành ra công chúng thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành. Bộ Tài chính đã rà soát và báo cáo rõ về phạm vi điều chỉnh tại dự thảo Tờ trình CP và dự thảo ND.</p>
<b>Điều 3</b>	<p>- Tại Khoản 3, đề nghị chi quy định đối với doanh nghiệp nhà nước, không quy định đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước (<b>Bộ Tư pháp</b>)</p> <p>- Đề nghị bổ sung quy định về áp dụng điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong trường hợp doanh nghiệp phát hành ra thị trường quốc tế (<b>Bộ Công an</b>)</p>	<p>- Đã tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo ND.</p> <p>- Điều 18 dự thảo ND đã quy định một trong các điều kiện phát hành là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện phát hành theo quy định tại thị trường phát hành. Theo đó, quy định tại K2 Điều 3 đã bao gồm quy định tuân thủ quy định tại thị trường phát hành.</p>
<b>Điều 4</b>	<p>- Dự thảo ND mới quy định khái niệm về TPDN xanh mà chưa quy</p>	<p>- Quy định về TPDN xanh đã được nêu tại Khoản 3</p>

	<p>định cụ thể về đặc thù trong phát hành và giao dịch trái phiếu này. Do đó, đề nghị làm rõ sự cần thiết quy định về loại TPDN xanh (<b>Bộ Tư pháp, Bộ Công an</b>)</p> <p>- Đề nghị bổ sung thêm giải thích một số thuật ngữ sử dụng trong NEĐ gồm: tổ chức tư vấn về hồ sơ phát hành trái phiếu, dấu thầu phát hành trái phiếu, bảo lãnh phát hành trái phiếu, đại lý phát hành trái phiếu (<b>Bộ Quốc phòng</b>)</p>	<p>Điều 5 dự thảo NEĐ, “Riêng đối với phát hành trái phiếu xanh, nguồn vốn từ phát hành trái phiếu được hạch toán, quản lý theo dõi riêng và giải ngân cho các dự án bảo vệ môi trường theo phương án phát hành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt”. Ngoài ra, TPDN xanh còn có quy định bổ sung về công bố thông tin tại dự thảo NEĐ.</p> <p>- Các tổ chức này đã có quy định tại Điều 14 dự thảo NEĐ.</p>
<p><b>Điều 5</b></p>	<p>- Về nguyên tắc phát hành và sử dụng vốn trái phiếu, đề nghị làm rõ mục đích phát hành, doanh nghiệp có được phát hành để thực hiện chương trình, dự án đầu tư, tăng quy mô vốn hoạt động và tái cơ cấu nợ của các doanh nghiệp khác, không phải doanh nghiệp phát hành không (<b>NHNN</b>)</p>	<p>- Khi doanh nghiệp phát hành trái phiếu và dùng số tiền thu được để thực hiện dự án đầu tư, tăng quy mô vốn hoạt động bao gồm việc đầu tư vào doanh nghiệp khác đang hoạt động thì sẽ hình thành tài sản tại doanh nghiệp phát hành (khoản đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp). Doanh nghiệp được đầu tư vốn có thể sử dụng tiền để tái cơ cấu nợ hoặc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Dự thảo NEĐ không điều chỉnh việc sử dụng vốn của doanh nghiệp được đầu tư vốn.</p>
<p><b>Điều 6</b></p>	<p>- Về lãi suất danh nghĩa trái phiếu: đề nghị không quy định mức trần lãi suất đối với hoạt động phát hành TPDN riêng lẻ. Đối với lãi suất của trái phiếu do TCTD phát hành, đề nghị quy định cụ thể “lãi suất trái phiếu do TCTD phát hành phải tuân thủ quy định về lãi suất của NHNN” (<b>NHNN</b>)</p> <p>- Về mệnh giá trái phiếu (Khoản 4 Điều 6), đề nghị xem xét quy định mệnh giá của trái phiếu là 1 tỷ đồng để hạn chế việc doanh nghiệp chia đợt phát hành thành nhiều lô giá trị nhỏ để bán cho các</p>	<p>- Đã rà soát tiếp thu tại dự thảo NEĐ.</p> <p>- Theo quy định tại Luật CK và Luật DN, chỉ nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và nhà đầu tư chiến lược mua và giao dịch TPDN riêng lẻ. Theo</p>

	<p>nhà đầu tư cá nhân (<b>UBGSTCQG</b>)</p> <p>- Đề nghị bổ sung quy định về giao dịch trái phiếu (<b>Bộ Công thương</b>)</p>	<p>đó, nhà đầu tư cá nhân nhỏ lẻ không được mua TPDN riêng lẻ, vì vậy, không cần tăng mệnh giá phát hành TPDN để hạn chế nhà đầu tư cá nhân nhỏ lẻ. Việc duy trì mệnh giá trái phiếu như hiện hành nhằm khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhu cầu huy động vốn có thể phát hành TP.</p> <p>- Điều 16 dự thảo NĐ đã quy định về giao dịch trái phiếu.</p>
<p><b>Điều 7</b></p>	<p>- Tại Khoản 1 Điều 7, đề nghị quy định doanh nghiệp phát hành chỉ mua lại, hoán đổi trái phiếu với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược (<b>Bộ Tư pháp</b>)</p> <p>- Về việc mua lại trái phiếu trước hạn: đề nghị bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp mua lại trước hạn mặc dù kế hoạch mua lại trái phiếu chưa được nêu cụ thể tại bản công bố thông tin trước đợt phát hành (<b>NHNN</b>)</p> <p>- Tại Khoản 3, đề nghị làm rõ phương thức công bố thông tin về việc mua lại, hoán đổi trái phiếu (<b>NHNN</b>)</p> <p>- Đề nghị cân nhắc quy định doanh nghiệp phải công bố thông tin trước 15 ngày về việc mua lại, hoán đổi (<b>VCCI</b>)</p>	<p>- Theo quy định về việc đầu tư mua và giao dịch TPDN riêng lẻ, chỉ nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và nhà đầu tư chiến lược được mua và nắm giữ các TPDN này. Theo đó, chỉ các nhà đầu tư này mới có trái phiếu để thực hiện mua lại, hoán đổi với doanh nghiệp phát hành. Vì vậy, đề nghị giữ như tại dự thảo NĐ.</p> <p>- Đã tiếp thu, bổ sung tại dự thảo NĐ.</p> <p>- Đã rà soát, tiếp thu tại dự thảo NĐ.</p> <p>- Để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin trong khoảng thời gian đủ dài để các nhà đầu tư đang nắm giữ trái phiếu có thể tiếp cận đầy đủ thông tin doanh nghiệp mua lại trước hạn trái phiếu và quyết định về khoản đầu tư của mình.</p>
<p><b>Điều 8</b></p>	<p>- Tại Khoản 2, đề nghị bổ sung quy định nhà đầu tư mua trái phiếu có quyền yêu cầu doanh nghiệp phát hành mua lại trái phiếu trước</p>	<p>- Thực tế, nhà đầu tư thường không có công cụ để kiểm soát mục đích sử dụng vốn của doanh nghiệp</p>

<p>phát hành. Do đó, hầu như không có trường hợp nhà đầu tư có thể phát hiện doanh nghiệp phát hành sử dụng vốn sai mục đích. Trái phiếu mà nhà đầu tư có quyền yêu cầu tổ chức phát hành mua lại là 1 loại trái phiếu (callable bond); do bổ sung quyền cho nhà đầu tư nên loại trái phiếu này thường có lãi suất kém hấp dẫn hơn. Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ đề cho doanh nghiệp phát hành tự quyết định loại trái phiếu phát hành là có thể yêu cầu mua lại hoặc không. Theo đó, giữ như quy định tại dự thảo ND.</p>	<p>hạn khi doanh nghiệp phát hành sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu sai mục đích hoặc cung cấp thông tin sai sự thật để bảo vệ nhà đầu tư (<b>UBGSTCQG, UBQLVNN</b>)</p>
<p>- Về việc bỏ quy định giới hạn phát hành TPDN và không gia tăng các điều kiện phát hành so với quy định tại Luật CK và Luật DN, Bộ Tài chính đã có giải trình tại báo cáo kèm theo.</p> <p>- Quy định này được giữ nguyên theo quy định tại ND163 và không phát sinh khó khăn, vướng mắc trong thực hiện.</p> <p>- Chỉ có công ty cổ phần mới có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền do đó, không thể mở rộng đối tượng là công ty TNHH.</p> <p>- Đề nghị giữ nguyên như tại dự thảo ND để phù</p>	<p><b>Điều 9</b></p> <p>- Tại điểm b Khoản 1, đề nghị tăng thời gian hoạt động tối thiểu của doanh nghiệp phát hành từ 01 năm trở lên thành 03 năm. Ngoài ra, đề nghị bổ sung điều kiện doanh nghiệp phát hành phải có tài sản đảm bảo; doanh nghiệp phát hành “có khả năng tài chính đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn theo các điều kiện, điều khoản của trái phiếu khi phát hành; phương án, dự án đầu tư hoặc đề tăng quy mô vốn cho mục đích phát hành trái phiếu khả thi, có hiệu quả” (<b>NHNN</b>)</p> <p>- Tại điểm c Khoản 1, đề nghị thay cụm từ “tổ chức kiểm toán đủ điều kiện” bằng cụm từ “tổ chức kiểm toán độc lập”. Quy định như dự thảo sẽ hạn chế đối tượng tổ chức kiểm toán chỉ là các tổ chức theo Khoản 8 Điều 4 của ND là không phù hợp; có nguy cơ làm gia tăng chi phí cho việc phát hành trái phiếu (<b>Bộ KHĐT</b>)</p> <p>- Tại điểm a Khoản 2 đề nghị rà soát, nghiên cứu sửa đổi theo hướng mở rộng đối tượng bao gồm cả công ty TNHH (<b>Bộ KHĐT</b>)</p> <p>- Đề nghị quy định doanh nghiệp phát hành phải thanh toán đủ cả</p>

	<p>nợ trái phiếu trong 3 năm và nợ vay khác trong 3 năm trước đợt phát hành (VCCI)</p>	<p>hợp với quy định tại Luật CK và Luật DN.</p>
<p><b>Điều 10</b></p>	<p>- Tại Khoản 5, đề nghị xem xét lại quy định đại diện người sở hữu trái phiếu được doanh nghiệp phát hành chi định do đây là quyền lợi và trách nhiệm của người sở hữu trái phiếu. Đồng thời đề nghị phân định rõ quyền lợi và trách nhiệm của đại diện người sở hữu trái phiếu với những người sở hữu trái phiếu khác (NHNN)</p>	<p>- Theo quy định của pháp luật chứng khoán, đại diện người sở hữu trái phiếu đại diện cho toàn bộ trái chủ. Đại diện người sở hữu trái phiếu do doanh nghiệp phát hành lựa chọn (do các trái chủ không có liên hệ với nhau) và là đơn vị trung gian, giải quyết các quyền lợi và trách nhiệm giữa trái chủ và doanh nghiệp phát hành.</p>
<p><b>Điều 12</b></p>	<p>- Đề nghị bỏ quy định về cam kết của nhà đầu tư tại Điểm e Khoản 1 Điều 12 do quy định này gây thêm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Nhà đầu tư phải có trách nhiệm tiếp cận, nghiên cứu thông tin về trái phiếu trước khi quyết định mua, không nên đẩy trách nhiệm này về phía doanh nghiệp phát hành (<b>Bộ Tư pháp, Bộ Công an</b>)</p>	<p>- Cam kết của nhà đầu tư chỉ là 1 nội dung trong nội dung mua trái phiếu, do đó quy định này không làm tăng thêm thủ tục cho doanh nghiệp phát hành. Bộ Tài chính đã tiếp thu và rà soát về trách nhiệm tiếp cận thông tin của nhà đầu tư tại dự thảo ND.</p>
<p><b>Điều 13</b></p>	<p>- Về thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành (Khoản 2), đề nghị không quy định cụ thể mà dẫn chiếu thực hiện theo quy định của Luật DN và Điều lệ công ty (<b>Bộ Tư pháp</b>)</p> <p>- Đề nghị bổ sung phương thức giải quyết tranh chấp vào Khoản 1 Điều 13 dự thảo ND về phương án phát hành trái phiếu (<b>Bộ Công an</b>)</p>	<p>- Luật DN đã quy định về thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành. Tuy nhiên, Luật CK lại không có quy định. Do đó, dự thảo ND quy định cụ thể để có quy định áp dụng chung đối với các loại hình doanh nghiệp khi phát hành trái phiếu.</p> <p>- Phương thức giải quyết tranh chấp là sự thỏa thuận giữa tổ chức phát hành và nhà đầu tư mua trái phiếu, do đó cần được quy định tại hợp đồng mua bán trái phiếu. Phương án phát hành trái phiếu là đề cập có thẩm quyền phê duyệt và công bố thông tin cho cơ quan quản lý, do đó Bộ Tài chính trình Chính phủ giữ như tại dự thảo ND, không bổ sung phương thức giải quyết tranh chấp vào phương án phát hành trái phiếu.</p>

	<p>- Đề nghị bổ sung phương án phát hành trái phiếu phải bao gồm: + Thông tin quản trị của doanh nghiệp phát hành theo các tiêu chuẩn về công bố thông tin của doanh nghiệp được quy định tại Luật DN và Luật CK nhằm đảm bảo minh bạch thông tin đối với các nhà đầu tư cũng như cơ quan giám sát tài chính có liên quan (<b>UBGSTCQG</b>)</p> <p>+ Hệ số khả năng thanh toán lãi vay = lợi nhuận trước thuế và lãi vay/chi phí lãi vay để phản ánh khả năng thanh toán lãi vay của doanh nghiệp phát hành trái phiếu (<b>UBGSTCQG</b>)</p>	<p>- Việc công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành thực hiện theo quy định của Luật DN và Luật CK. Ngoài ra, như đã nêu trên, phương án phát hành là để cấp có thẩm quyền phê duyệt việc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp, không phải để công bố thông tin. Doanh nghiệp phát hành chỉ công bố thông tin theo mẫu quy định tại Thông tư hướng dẫn.</p> <p>- Về khả năng thanh toán lãi vay, Điểm o Khoản 1 Điều 13 đã quy định phương án phát hành phải bao gồm kế hoạch bố trí nguồn và thanh toán gốc, lãi trái phiếu.</p>
<b>Điều 14</b>	<p>- Đề nghị quy định rõ thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi và kèm theo chứng quyền để tránh Hội đồng quản trị làm quyền này, gây thiệt hại cho lợi ích của cổ đông đang sở hữu cổ phần của công ty (<b>Bộ KHĐT</b>)</p>	<p>- Điểm a Khoản 2 Điều 13 đã quy định Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền.</p>
<b>Điều 16</b>	<p>- Tại Khoản 4 Điều 16, đề nghị bổ sung: Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn việc tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Điều này (<b>UBGSTCQG</b>)</p>	<p>- Đã rà soát, hoàn thiện tại dự thảo ND. Việc ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện theo quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, phải lấy ý kiến các đơn vị có liên quan và lấy ý kiến rộng rãi công chúng trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính.</p>
<b>Điều 21</b>	<p>- Đề nghị nâng cao yêu cầu công bố thông tin đối với doanh nghiệp phát hành TPDN riêng lẻ từ 500 tỷ đồng trở lên: yêu cầu nộp báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính 6 tháng soát xét, báo cáo tài chính quý (trong đó thuyết minh cụ thể, chi tiết các khoản đầu tư, phải thu, cho vay có giá trị lớn), báo cáo sử dụng vốn có ý kiến kiểm toán, báo cáo tiến độ giải ngân, danh sách trái chủ</p>	<p>- Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư mua trái phiếu nhưng không gia tăng gánh nặng và làm tăng chi phí của doanh nghiệp phát hành trái phiếu. Vì việc phát hành và mua TPDN được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa người mua và người bán. Doanh nghiệp</p>

	<p>chi tiết. Ngoài ra, đề nghị bổ sung nội dung công bố thông tin trước khi phát hành bao gồm: “các cổ đông thành viên góp vốn của doanh nghiệp phát hành; danh sách các công ty con, công ty liên kết, công ty nắm giữ cổ phần chi phối, công ty nắm quyền kiểm soát đối với doanh nghiệp phát hành; thông tin về các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh liên quan đến việc sử dụng vốn từ việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp của doanh nghiệp phát hành” để minh bạch hóa quan hệ của doanh nghiệp phát hành với các công ty liên quan (<b>UBGSTCQG</b>)</p> <p>- Đề nghị bổ sung định nghĩa về công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối để minh bạch hóa quan hệ của doanh nghiệp phát hành với các công ty liên quan. Đồng thời, yêu cầu các doanh nghiệp phát hành trái phiếu báo cáo đầy đủ về các công ty liên kết, công ty nắm giữ cổ phần chi phối, công ty nắm quyền kiểm soát đối với doanh nghiệp phát hành (<b>UBQLVNN</b>)</p>	<p>phát hành tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm. Nhà đầu tư mua trái phiếu tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư trái phiếu, tuân thủ hạn chế về giao dịch trái phiếu và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.</p> <p>- Quy định về công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối thực hiện theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.</p>
<b>Điều 22</b>	<p>- Đề nghị cân nhắc chỉnh lý quy định tại Khoản 1 Điều 22 và Khoản 1 Điều 27 dự thảo ND về thời hạn doanh nghiệp phải công bố thông tin trước ngày dự kiến tổ chức phát hành trái phiếu là tối thiểu 05 ngày làm việc thay vì 01 ngày làm việc để bảo đảm tính khả thi của quy định (<b>Bộ Công an, UBGSTCQG</b>)</p> <p>- Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về nội dung, hình thức, thời hạn công bố thông tin; xây dựng các mẫu biểu quy định, hướng dẫn cụ thể các thông tin bắt buộc phải công bố tại Phụ lục của Nghị định (<b>UBGSTCQG</b>)</p>	<p>- Đề nghị giữ nguyên quy định là 01 ngày theo quy định của Luật DN.</p> <p>- Trên cơ sở đánh giá tính hình thực hiện ND thoiwf gian vừa qua, các nội dung này dự kiến sẽ được quy định tại Thông tư hướng dẫn để thuận tiện trong triển khai, thực hiện, có thể thay đổi được các mẫu biểu báo cáo ngay khi có khó khăn, vướng mắc.</p> <p>- Đã rà soát, hoàn thiện tại dự thảo ND.</p>
<b>Điều 25</b>	<p>- Đề nghị rà soát lại thời hạn công bố và các sự kiện xảy ra để doanh nghiệp phải công bố thông tin bắt buộc (<b>Bộ Công thương</b>)</p>	
<b>Điều 29</b>	<p>- Tại Khoản 2, đề nghị bổ sung các nội dung sau về mục đích phát</p>	<p>- Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện dự thảo ND</p>



	<p>hành, một số điều kiện, điều khoản chính của trái phiếu, tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành, tình hình thanh toán gốc lãi trái phiếu, tình hình sử dụng vốn, tiến độ giải ngân, tiến độ thực hiện dự án... (UBGSTCQG)</p>	<p>theo hướng phù hợp và cân đối với quy định về công bố thông tin của phát hành ra công chúng và quy định tại Luật CK, Luật DN. Việc phát hành TPDN riêng lẻ khác biệt với phát hành trái phiếu ra công chúng, có tiêu chuẩn, điều kiện thấp hơn. Theo đó, doanh nghiệp phát hành không phải công bố, công khai thông tin rộng rãi như phát hành ra công chúng.</p>
<b>Điều 30</b>	<p>- Tại Khoản 1, đề nghị bổ sung nội dung và đối tượng nhận báo cáo định kỳ của SGDCK (NHNN)</p>	<p>- Quy định cụ thể về nội dung và đối tượng nhận báo cáo dự kiến tại Thông tư hướng dẫn ND để thuận lợi trong triển khai, thực hiện.</p>
<b>Điều 32</b>	<p>- Về trách nhiệm của NHNN tại Khoản 1, đề nghị bỏ do Luật các TCTD đã quy định TCTD được phát hành trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài. Thực tế, NHNN đã hướng dẫn TCTD trong việc phát hành trái phiếu để huy động vốn theo quy định tại Luật các TCTD nên không cần thiết phải quy định nội dung này tại dự thảo ND (NHNN)</p>	
<b>Điều 33</b>	<p>- Đề nghị bổ sung trách nhiệm của UBCKNN "Theo dõi, giám sát việc huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu theo đúng phương án đã được phê duyệt và việc giao dịch, công bố thông tin cho nhà đầu tư của doanh nghiệp phát hành" do: (i) Luật CK quy định UBCKNN giám sát hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán; (ii) Chương IV dự thảo ND đã quy định chế độ công bố thông tin và báo cáo của doanh nghiệp phát hành; theo đó, về phía cơ quan quản lý nhà nước cần có đơn vị theo dõi, giám sát việc huy động vốn và sử dụng vốn thông qua phát hành trái phiếu để kịp thời xử phạt vi phạm hành chính về phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán; đồng thời bảo vệ</p>	<p>- Đã rà soát, tiếp thu tại dự thảo ND.</p>

	<p>quyền lợi cho nhà đầu tư (NHNN)</p> <p>- Về trách nhiệm của các đơn vị liên quan: đề nghị nghiên cứu quy định chi tiết hơn về thẩm quyền, trách nhiệm và sự phối hợp của các cơ quan quản lý giám sát trong việc phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ (UBGSTCQG)</p>	<p>- Đã rà soát, tiếp thu tại dự thảo ND.</p>
<b>Điều 34</b>	<p>- Đề nghị bổ quy định về trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty. Đây là vấn đề nội bộ quản trị của doanh nghiệp, không nên điều chỉnh cụ thể tại ND này (<b>Bộ Tư pháp</b>)</p>	<p>- Đã tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo ND.</p>
<b>Điều 35</b>	<p>- Đề nghị bổ sung chế tài cấm tham gia hoạt động phát hành TPDN trong thời gian 1 năm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ không công bố thông tin theo quy định hoặc công bố thông tin có sai lệch trong yếu gây rủi ro cho các nhà đầu tư để tăng tính tuân thủ của doanh nghiệp phát hành đối với các quy định về công bố thông tin (<b>UBGSTCQG</b>)</p>	<p>- Biện pháp cấm doanh nghiệp phát hành là biện pháp hành chính áp đặt lên doanh nghiệp. Theo quy định của pháp luật chứng khoán, doanh nghiệp phát hành chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin công bố. Trường hợp có sai sót, doanh nghiệp phải đính chính. Nếu không đính chính, sửa đổi kịp thời, doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. Do đó, Bộ Tài chính đề nghị không bổ sung quy định này tại dự thảo ND.</p>
<b>Điều 36</b>	<p>- Về trách nhiệm của các tổ chức tư vấn phát hành, đề nghị bổ sung tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi của mình về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin trong hồ sơ phát hành trái phiếu và việc đáp ứng đầy đủ quy định về điều kiện phát hành của tổ chức phát hành trái phiếu, để ngăn ngừa đơn vị tư vấn phát hành ra thị trường những sản phẩm TPDN kém chất lượng (<b>UBGSTCQG</b>)</p> <p>- Đề nghị rà soát, nghiên cứu bổ sung quy định trách nhiệm rõ ràng hơn đối với các tổ chức này nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm</p>	<p>- Về tính chính xác của thông tin công bố, doanh nghiệp phát hành là người chịu trách nhiệm. Dự thảo ND đã quy định về trách nhiệm của tổ chức tư vấn trong việc rà soát điều kiện phát hành trái phiếu. Ngoài ra, tại hợp đồng mua trái phiếu, nhà đầu tư mua trái phiếu đã có xác nhận việc đã được tiếp cận đầy đủ thông tin trước khi mua trái phiếu.</p> <p>- Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện tại dự thảo ND.</p>

	<p>của các tổ chức đại lý, bảo lãnh phát hành và đại diện người sở hữu trái phiếu đối với sự phát triển của thị trường TPDN (UBGSTCQG)</p>	
<p><b>Điều 37</b></p>	<p>- Đề nghị bổ sung thêm trách nhiệm rà soát tuân thủ quy định đối với nhà đầu tư giao dịch trái phiếu do Khoản 2 Điều 16 dự thảo NĐ đã quy định tổ chức lưu ký chỉ xác nhận quyền sở hữu trái phiếu khi giao dịch đáp ứng quy định (NHNN)</p>	<p>- Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện tại dự thảo NĐ.</p>
<p><b>Điều 40</b></p>	<p>- Điều khoản chuyển tiếp chưa quy định về việc giao dịch các TPDN phát hành trước khi nghị định có hiệu lực thi hành thì các nhà đầu tư cá nhân nhỏ, lẻ nắm giữ trái phiếu đã phát hành có được tiếp tục giao dịch các loại trái phiếu này không? (NHNN, VCCI)</p> <p>- Đề nghị bổ sung quy định xử lý đối với trường hợp chưa phát hành trái phiếu tại thời điểm NĐ mới có hiệu lực nhưng đã cơ bản thực hiện xong các trình tự, thủ tục liên quan (<b>Bộ Tư pháp</b>)</p>	<p>- Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện tại dự thảo NĐ.</p>